UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 – CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **4103011967** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất số **0300546537** cấp ngày 06 tháng 04 năm 2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số...../ĐKCB do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày….. tháng ..... năm .....)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. **Trụ sở Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP**
   - 205 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh Tp. HCM
2. **Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)**
   - 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 Tp.HCM

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Đinh Văn Vân** Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại: (08) 3899 3850 – (08) 3899 0877

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 – CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **4103011967** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất số **0300546537** cấp ngày 06 tháng 04 năm 2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP

Mệnh giá: 10.000 đồng

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng và tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá):

Đối tượng và phương thức	Số lượng CP phát hành thêm (CP)	Trị giá CP theo mệnh giá (đồng)
Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:3,465	3.860.367	38.603.670.000
Tổng cộng	**3.860.367**	**38.603.670.000**

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

Trụ sở chính : 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 Tp.HCM

Điện thoại : (84.4) 3914 3588 Fax : (84.4) 3914 3209

Website : www.vcsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2008, 2009

Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

Địa chỉ : Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : (04) 3974 5080 Fax: (04) 3974 5083

Website : www.cpahanoi.com

MỤC LỤC

BẢN CÁO BẠCH I

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 4

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ 4
2. RỦI RO PHÁP LUẬT 5
3. RỦI RO TÀI CHÍNH 6
4. RỦI RO NGÀNH NGHỀ 6
5. RỦI RO ĐỢT CHÀO BÁN VÀ RỦI RO KHÁC 7
6. RỦI RO PHA LOÃNG CỔ PHIẾU 7

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 8

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT 8
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN 8

III. CÁC KHÁI NIỆM 8

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 10

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN: 11
2. SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY: 13
3. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY 14
4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 18
5. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC CHÀO BÁN ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI VỚI TỔ CHỨC CHÀO BÁN 20
6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 22
7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 36
8. VỊ THẾ CỦA TỔNG CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH 39
9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG: 40
10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC 43
11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 43
12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG 49
13. TÀI SẢN 64
14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM 2010 – 2014 64
15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC 65

16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 66
17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI TỔNG CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN 66

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN 66
1. LOẠI CỔ PHIẾU 66
2. MỆNH GIÁ 66
3. TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN DỰ KIẾN CHÀO BÁN 66
4. GIÁ CHÀO BÁN DỰ KIẾN 66
5. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI 66
6. THỜI GIAN PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU 67
7. KẾ HOẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU 67
8. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUYỀN 68
9. GIỚI HẠN TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI 70
10. CÁC LOẠI THUẾ LIÊN QUAN 70
11. NGÂN HÀNG MỞ TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHIẾU 70

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 70
1. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 70

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 72

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHIẾU 73

IX. PHỤ LỤC 74

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP (Tổng Công ty) sẽ chịu một số ảnh hưởng nhất định từ những biến động của nền kinh tế trong nước nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung. Một số ảnh hưởng của nền kinh tế tác động đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được phân tích cụ thể dưới đây:

Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế:

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định trong nhiều năm. Theo số liệu thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP (tổng sản phẩm quốc nội) của Việt Nam trong 5 năm trở lại đây giao động trong khoảng từ 7,3% - 8,5%/năm.

Riêng năm 2008, là năm đầy khó khăn và thách thức với hàng loạt những bất ổn về tình hình tài chính, kinh tế, phát sinh từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, đã có nhiều tác động tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế các nước. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng GDP là 6,23%/năm, cao hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực.

Năm 2009, nhờ các biện pháp kích cầu hợp lý và kịp thời của Chính phủ, tình hình kinh tế Việt Nam tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Nếu vào quý 1 năm 2009 nền kinh tế vẫn còn ảnh hưởng của đợt suy thoái với mức tăng trưởng GDP ở mức khiêm tốn là 3,14% so với cùng kỳ năm 2008 ; thì sang đến quý 2, quý 3 và quý 4 năm 2009, mức tăng trưởng GDP đã có sự khởi sắc khi tăng lần lượt 4,5%, 6,04% và 6,9%. Tính chung cả năm 2009, GDP đã tăng trưởng 5,32% so với năm 2008, là một mức tăng trưởng đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế Thế giới còn gặp nhiều khó khăn.

Theo Tổng Cục thống kê, GDP Việt Nam quý I năm 2010 tăng 5,83% so với cùng kỳ năm 2009, tăng trưởng 6,4% vào quý II năm 2010; tăng trưởng 7,16% vào quý III năm 2010, tương ứng tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm 2010 là 6,52% so với cùng kỳ năm 2009. Giá trị sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm 2010 tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2009, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

9 tháng đầu năm tăng 25,4%, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2010. Triển vọng kinh tế Việt Nam nhìn chung ổn định và sẽ tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

Lạm phát:

Lạm phát cũng là nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các công ty, lạm phát làm các chi phí đầu vào gia tăng có thể làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Trong nhiều năm liền, từ năm 1996 đến năm 2006, Việt Nam vẫn giữ mức lạm phát ổn định ở một con số. Tuy nhiên, từ năm 2007 dưới ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đã tăng mạnh lên mức 12,6% năm 2007 và 19,89% năm 2008. Năm 2009, nhờ các biện pháp quyết liệt của Chính phủ vừa kiềm chế lạm phát, vừa kích thích hoạt động sản xuất, nên chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2009 chỉ tăng 6,88% so với 2008, là mức thấp nhất trong giai đoạn 2004-2009. Sang năm 2010, dù quý 1 có biểu hiện tăng cao ở mức bình quân tháng là 1,35% thì sang quý 2, mức tăng bình quân tháng đã giảm chỉ còn 0,44% ; bình quân 6 tháng năm 2010 chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 8,75% so với cùng kỳ 2009. Tổng kết 9 tháng đầu năm, chỉ số giá tiêu dùng tăng 8,64% so với cùng kỳ năm 2009. Ngày 5/11/2010, Ngân hàng Nhà nước đã tăng lãi suất cơ bản từ 8% lên 9% thể hiện mục tiêu ngăn ngừa lạm phát cao quay trở lại nhằm hướng đến mục tiêu lạm phát dưới 2 con số. Tuy nhiên cũng cần lưu ý các yếu tố như giá dầu Thế giới tăng cao do đồng USD trượt giá mạnh, cũng như tình hình thời tiết diễn biến phức tạp về cuối năm có thể làm giá các mặt hàng xăng dầu, lương thực thực phẩm tăng, ảnh hưởng đến mục tiêu kiềm chế lạm phát của Chính phủ.

2. RỦI RO PHÁP LUẬT

Là Công ty cổ phần, nên hoạt động của Tổng Công Ty chịu ảnh hưởng của luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và thị trường chứng khoán... Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. RỦI RO TÀI CHÍNH

Hiện tại Tổng Công ty đang có tỷ lệ nợ trên tổng nguồn vốn khá cao, do vậy chi phí lãi vay hàng năm là khá lớn kèm theo đó là rủi ro về thanh khoản khi luôn phải đáp ứng đủ nguồn tiền cho những khoản nợ đến hạn.

Ngoài ra do trong cơ cấu vay nợ dài hạn của Tổng Công ty có khoản vay bằng ngoại tệ (USD) nên những biến động của tỷ giá cũng là một rủi ro mà Tổng Công ty cần chú ý kiểm soát chặt chẽ.

4. RỦI RO NGÀNH NGHỀ

Các công trình thủy điện lớn mà Tổng Công ty thi công sau năm 2003 được áp dụng cơ chế theo văn bản số 797/CP-CN ngày 17/06/2003 và 400/CP-CN ngày 26/03/2004 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là cơ chế 797-400). Đây là một chủ trương đúng đắn của Chính phủ nhằm huy động nội lực trong nước đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án thủy điện, giải quyết tình trạng thiếu hụt điện.

Khác với các cách làm trước là các dự án chỉ được phép triển khai khi đã đủ vốn, thiết kế, tổng dự toán và ký hợp đồng, cơ chế 797-400 (theo văn bản 797/CP-CN ngày 17/06/2003 và 400/CP-CN ngày 26/03/2004) cho phép chủ đầu tư chỉ định thầu, tổ hợp thầu có năng lực thiết kế, xây dựng bắt đầu tiến hành với các hạng mục láng trại, đường phụ trợ, và theo thiết kế giai đoạn 1 của công trình. Tuy nhiên thiết kế giai đoạn 1 của công trình chỉ mới có dự toán tạm, và nhà thầu thi công chỉ được thanh toán khoảng 75-80% dự toán tạm. Ngoài ra các nhà thầu không tham gia xây dựng dự toán tạm cũng như tổng dự toán, do đó số liệu có thể không theo sát biến động của chi phí, giá thành, có thể làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của nhà thầu, làm các nhà thầu không chủ động trong việc huy động vốn hiệu quả. Quá trình thẩm định thiết kế giai đoạn 1, giai đoạn 2, lập tổng dự toán và ký hợp đồng chính thức có thể kéo dài do đặc thù phức tạp của dự án có thể làm giảm hiệu quả sử dụng đồng vốn của các nhà thầu, trong đó có Tổng Công ty, tăng áp lực lãi vay.

Đặc thù việc thực hiện các dự án thủy điện thường rất phức tạp, yêu cầu một khối lượng công việc rất lớn, gồm nhiều nhà thầu phối hợp thực hiện. Thường các thiết kế khi tiến hành thi công thường gặp một số trở ngại thực tế về giải tỏa, địa chất v.v… cần phải giải quyết, chỉnh sửa; ngoài ra việc huy động nhân lực, máy móc

chuyên dụng với khối lượng lớn có thể bị chậm trễ, dẫn đến dự án thực hiện không đúng như tiến độ đề ra.

Nhiều Tổng Công ty, công ty đang tham gia vào lĩnh vực xây dựng cơ bản, là đơn vị cạnh tranh với Tổng Công ty tham gia thầu các dự án xây dựng cơ bản. Trong tương lai khi các hệ thống cơ sở hạ tầng ngành thủy lợi, thủy điện dần đi vào ổn định, các dự án cần xây dựng mới giảm đi thì sự cạnh tranh giữa các đơn vị có thể sẽ gia tăng hơn nữa.

5. RỦI RO ĐỢT CHÀO BÁN VÀ RỦI RO KHÁC

Đợt chào bán này có rủi ro là số lượng cổ phiếu chào bán không được mua hết. Tuy nhiên do giá phát hành bằng mệnh giá nên rủi ro này là không cao. Các rủi ro khác mang tính bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh v.v... tuy không thường xảy ra nhưng nếu có sẽ ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động và giá trị của Tổng Công ty.

6. RỦI RO PHA LOÃNG CỔ PHIẾU

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS (thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu) cũng như giá trị sổ sách của Công ty.

- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần:

$$\textbf{EPS} = \frac{\text{Lãi chia cho cổ đông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$\textbf{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí và các quỹ khác}}{\text{Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ}}$$

Ngoài ra, nhà đầu tư cũng cần đánh giá sự điều chỉnh kỹ thuật của giá cổ phiếu Tổng Công ty theo công thức sau :

$$P = \frac{P\,t-1 + (I \times PR)}{1 + I}$$

P là giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng

P_{t-1} là giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng

I là tỷ lệ vốn tăng

PR là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành tới

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Ông **Lê Quang Thế**	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông **Hà Thế Quang**	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông **Đinh Văn Vân**	Chức vụ: Kế Toán trưởng
Ông **Nguyễn Văn Chính**	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Ông **Tô Hải**	Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép chào bán cổ phiếu do Công ty Cổ Phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Tổng Công ty: Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP
- TL4: Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP
- HYCO4-JSC: Tên viết tắt của Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP
- VCSC: Tên viết tắt Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt

- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- BKS: Ban Kiểm soát
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- CĐHH: cổ đông hiện hữu
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- CP: cổ phần
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- BOT: Mô hình xây dựng – kinh doanh – chuyển giao
- TMDV: Thương mại và Dịch vụ
- GDP: Tổng sản phẩm trong nước

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên Công ty : **TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 – CTCP**
- Tên tiếng Anh : **HYDRAULICS CONSTRUCTION CORPORATION NO.4 – JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **HYCO4-JSC**
- Trụ sở chính : 205 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh Tp.HCM.
- Điện thoại : (08) 3899 3850 - (08) 3899 0877
- Fax : (08) 3899 3851
- Email : thuyloi4@vnn.vn
- Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **4103011967** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất số **0300546537** cấp ngày 06 tháng 04 năm 2010.
- Tài khoản mở tại: Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Số tài khoản : 310.10.00.0097515
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Xây dựng công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu, công trình thủy công, thủy điện, đường giao thông, bến cảng, công trình dân dụng, vỏ bao che công trình công nghiệp.
  - Sản xuất, khai thác và mua bán vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở), kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng và chất lượng xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật.
  - Mua bán vật tư thiết bị phục vụ thủy lợi. Chế tạo, lắp đặt cơ khí công trình, kết cấu thép xây dựng, sữa chữa xe máy, máy thi công xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).
  - Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng công trình, xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng). Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng và công nghiệp. Khoan phụt xử lý, gia cố nền móng và thân công trình xây dựng.
  - Đưa người lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người

lao động đi làm việc ở nước ngoài. Đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề (không hoạt động tại trụ sở).

- Kinh doanh bất động sản.
- Đại lý bán vé máy bay, dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.

Báo cáo quá trình tăng vốn

TT	NỘI DUNG	THỜI ĐIỂM	SỐ CP PHÁT HÀNH (CP)	VỐN CỔ PHẦN (ĐỒNG)
1	Phát hành lần đầu khi cổ phần hóa	2008	8.578.500	85.785.000.000
2	Phát hành thêm cổ phiếu bổ sung vốn lưu động	4/2010	2.561.133	111.396.330.000

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

Ngày 19/11/1979, Bộ Thủy Lợi đã thành lập Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng thủy lợi khu vực IV (nòng cốt là Công ty xây dựng thủy lợi 9 và các đơn vị thi công của Bộ Thủy lợi tăng cường) để có một lực lượng đủ năng lực thi công Công trình thủy lợi Dầu Tiếng, đây là công trình thủy lợi lớn nhất nước lúc bấy giờ. Ngoài ra, liên hiệp các xí nghiệp xây dựng thủy lợi khu vực IV cũng được Chính phủ tín nhiệm giao nhiệm vụ thi công tuyến áp lực công trình thủy điện Trị An.

Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 01/TTg ngày 01/01/1995 đổi tên Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng thủy lợi khu vực IV thành Tổng công ty xây dựng 4.

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Tổng Công ty 90, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được đổi tên thành Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 theo Quyết định số 2277/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 05 tháng 09 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Thực hiện Quyết định số 977/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 06 tháng 04 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc Cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4, Tổng Công ty đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2007.

Ngày 31 tháng 07 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 1020/QĐ-TTg phê duyệt phương án và Quyết định số 1546/QĐ-TTg ngày 28/10/2008 điều chỉnh phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 thành Tổng Công ty Cổ phần với tên gọi là **Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP**.

Trong quá trình hình thành phát triển của mình, Tổng Công ty đã tham gia thi công các công trình thủy lợi, thủy điện lớn của cả nước. Các công trình thủy lợi mà Tổng Công ty tham gia thi công gồm có hồ Dầu Tiếng, hồ Sông Quao, hồ Đạ Tẻ, cụm đầu mối Thạch Nham, hồ Azun hạ, đập Tân Giang, hồ Dương Đông, công trình cống đập Ba Lai (Bến Tre) và nhiều công trình khác. Các công trình thủy điện Tổng Công ty tham gia thi công gồm thủy điện Trị An, thủy điện Thác Mơ, thủy điện Đa Mi, thủy điện A Vương, thủy điện Đồng Nai 3, thủy điện sông Tranh 2 và các công trình khác. Các công trình này mang ý nghĩa chiến lược trong sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng.

Hiện nay Tổng Công ty có một đội ngũ kỹ sư nhiều kinh nghiệm và công nhân lành nghề, có một lực lượng thiết bị thi công hiện đại, hùng hậu và đa dạng, có một hệ thống quản lý chất lượng với đầy đủ thiết bị tiên tiến để thi công xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, hạ tầng… trên phạm vi toàn quốc, có nhiều kinh nghiệm thi công đập đất đá, đập bê tông trọng lực, đập bê tông bản mặt (CFRD), và đập bê tông đầm lăn (RCC).

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đả mở rông hoạt động sang các lĩnh vực khác như giao thông, kết cấu hạ tầng, xây dựng dân dụng và công nghiệp, đào tạo công nhân kỹ thuật, trung cấp và cao đẳng nghề, xuất khẩu lao động, kinh doanh bất động sản… Với 30 năm truyền thống hình thành và phát triển, Tổng Công ty đã vinh dự đón nhận được nhiều danh hiệu như:

- 2 Đơn vị Anh hùng Lao động
- 1 Anh hùng Lao động
- 1 Huân chương Độc lập hạng nhất
- 1 Huân chương Độc lập hạng nhì
- 5 Huân chương Lao động hạng nhất
- 1 Huân chương Lao động hạng nhì
- 3 Huân chương Lao động hạng ba
- 4 công trình đạt danh hiệu “Công trình chất lượng tiêu biểu 5 năm 2000 – 2005” do Hội đồng tuyển chọn – Tổng hội Xây dựng Việt Nam trao tặng
- Top 500 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam năm 2008.

2. SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY:

Hình 1: *Sơ đồ bổ máy quản lý Tổng Công ty*

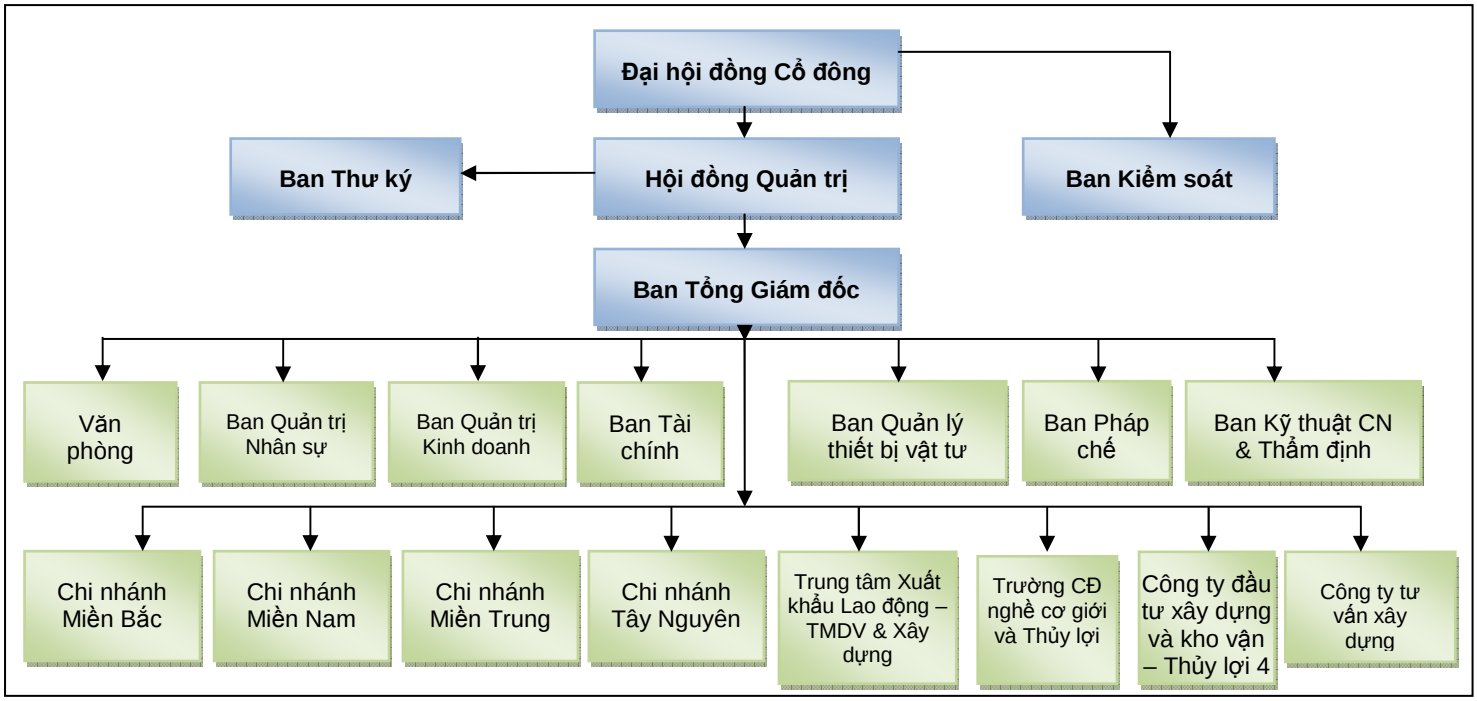

Hình 2: *Sơ đồ tổ chức Tổng Công ty*

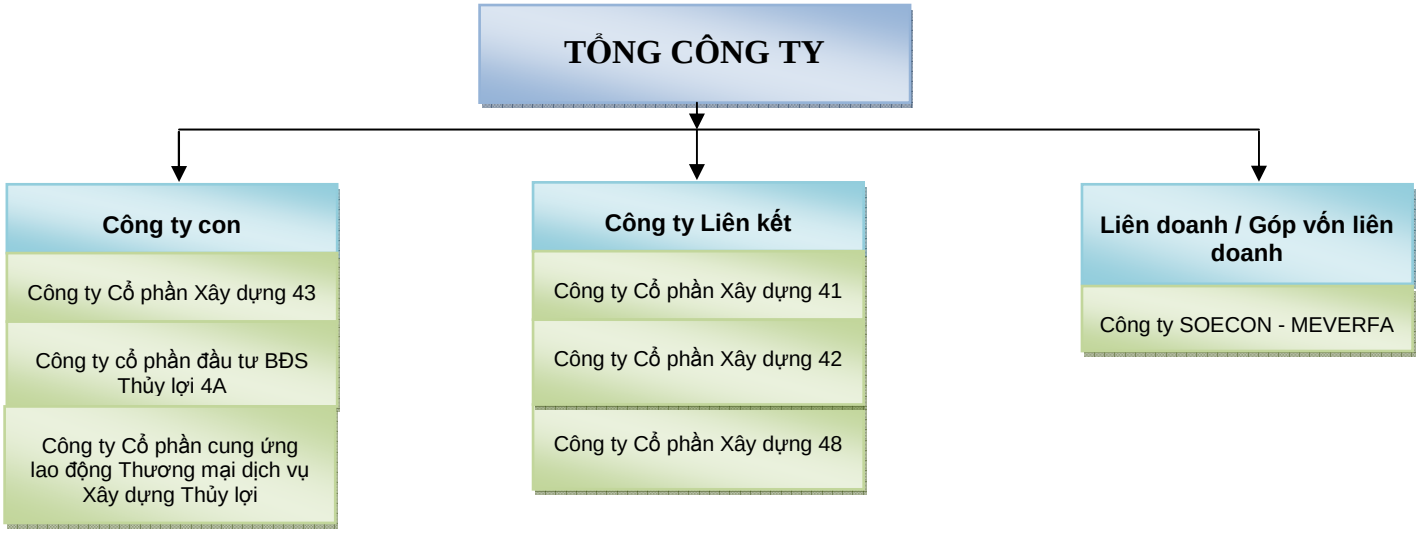

3. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY

Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thông qua các vấn đề sau:

- Tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm.
- Thông qua báo cáo của BKS về tình hình chấp hành Pháp luật, Điều lệ và quản lý tài chính của Tổng Công ty; thông qua báo cáo của HĐQT; thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn của Tổng Công ty.
- Bầu, bãi miễn, và thay thế thành viên HĐQT, BKS; Kiểm ra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng Công ty.
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành.
- Sáp nhập, chuyển đổi, tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty.
- Một số quyền khác được quy định chi tiết trong Điều lệ của Tổng Công ty, và theo quy định của Pháp luật.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị cao nhất của Tổng Công ty. HĐQT gồm 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. HĐQT có các nhiệm vụ sau :

- Quản lý, chỉ đạo các hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty. HĐQT có đầy đủ quyền hạn để thực hiên tất cả các quyền nhân danh Tổng Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- Có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua.
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty.

- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Đề xuất việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi.
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời ; tổ chức việc chi trả cổ tức.
- Các nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Tổng Công ty và Luật doanh nghiệp.

Danh sách HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Quang Thế	Chủ Tịch
2	Phạm Hồng Sơn	Thành viên
3	Nguyễn Văn Thạc	Thành viên
4	Hà Thế Quang	Thành viên
5	Phạm Văn Hiền	Thành viên

Ban kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có các nhiệm vụ như sau:

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng, hàng năm trước khi đệ trình HĐQT.
- Kiểm tra việc HĐQT tuân thủ pháp luật, các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, việc các nhân viên quản lý cấp cao tuân thủ pháp luật, các nghị quyết và quyết định của ĐHĐCĐ và/hoặc HĐQT, và hiệu quả quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của HĐQT và các nhân viên quản lý cấp cao.
- Đảm bảo quy trình bầu cử HĐQT được minh bạch và đúng thủ tục.
- Giám sát các khoản chi đầu tư, mua sắm hoặc rút vốn đầu tư quan trọng; xem xét các khoản chi phí và chi tiêu cho hoặc phát sinh liên quan đến HĐQT, các thành viên HĐQT và các nhân viên quản lý cấp cao.
- Giám sát tính hiệu quả của cơ chế kiểm soát nội bộ mà Tổng Công ty áp dụng và kiến nghị những thay đổi cần thiết.

- Giám sát quy trình công bố và trao đổi thông tin.
- Đề xuất những điều chỉnh, thay đổi, và cải tiến cần thiết trong hoạt động của HĐQT, các nhân viên quản lý cấp cao, và trong hoạt động của Tổng Công ty.
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Tổng Công ty và luật Doanh nghiệp.

Danh sách Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Chính	Trưởng ban
2	Đào Anh Tuấn	Thành viên
3	Lê Tiến Luận	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm. Theo điều lệ Tổng Công ty, chủ tịch Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.

a. Tổng Giám đốc

Có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Tổng Công ty theo đúng pháp luật, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty.
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.
- Điều hành, quản lý và tổ chức việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua và báo cáo kết quả thực hiện lên Đại hội đồng cổ đông và HĐQT theo đúng quy định.

- Giám sát hoạt động và công việc kinh doanh của Tổng Công ty nói chung.

b. Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc là người điều hành cao cấp của Tổng Công ty. Cùng với Ban TGĐ, Phó TGĐ chịu trách nhiệm thực hiện những quyết định và mục tiêu chiến lược được giao bởi HĐQT Tổng Công ty. Mặt khác, phó TGĐ còn chịu trách nhiệm duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, chủ động tìm ra các biện pháp cải tiến mọi hoạt động trong toàn Tổng Công ty.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hà Thế Quang	Tổng Giám đốc
2	Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
3	Đinh Văn Xô	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Văn Thạc	Phó Tổng Giám đốc
5	Trịnh Hữu Long	Phó Tổng Giám đốc

Ngoài ra Tổng Công ty còn có các Phòng ban chức năng giúp việc như sau:

Ban Thư ký

Ban Thư ký có trách nhiệm tổ chức các cuộc họp của HĐQT, BKS và Đại hội đồng Cổ đông theo lệnh của chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng BKS, tổ chức các cuộc họp nội bộ theo định kỳ của Tổng Công ty.

Văn phòng

Quản lý công tác hành chính, văn thư lưu trữ và giải quyết các công tác liên quan đến quản lý và điều hành Tổng Công ty.

Ban Tài chính

Tổ chức, thực hiện các công tác tài chính, kế toán, thống kê trong toàn Tổng Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế tài chính hiện hành của Tổng Công ty và Nhà nước.

Ban Quản trị Kinh doanh

Tham mưu tổng hợp giúp Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc công tác quản lý kế hoạch, báo cáo thống kê, công tac kinh tế, hợp đồng kinh tế, kiểm tra và quản lý sản xuất kinh doanh.

Ban Kỹ Thuật Công Nghệ & Thẩm định

Quản lý kỹ thuật, nghiên cứu đề xuất các phương án phòng tránh và xử lý sự cố xảy ra trên các công trường, cập nhật những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đề xuất áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh, thẩm định các dự án đầu tư trong xây dựng cơ bản, lập hồ sơ đấu thầu, mời thầu và tổ chức đấu thầu, thiết kế biện pháp thi công, xây dựng định mức nội bộ.

Ban Quản lý Thiết bị - Vật tư

Thực hiện các nghiệp vụ thương mại của Tổng Công ty liên quan đến việc mua sắm vật tư, trang thiết bị, thuê dịch phục vụ hoạt động sản xuất, xây dựng của Tổng Công ty.

Theo dõi, giám sát công tác kế hoạch vật tư của Tổng Công ty, các quy trình quản lý cấp phát vật tư, các công tác thống kê, kế hoạch vật tư thiết bị hàng năm.

Ban Pháp chế

Tham gia ý kiến về vấn đề pháp lý liên quan đến các hoạt động điều hành quản lý sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Góp ý vào nội dung các hợp đồng kinh tế, xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, lập biên bản ghi nhận, phản ánh trực tiếp, tham mưu cho lãnh đạo xây dựng kế hoạch và đề cương giải quyết.

Ban Quản trị Nhân sự

Thực hiện công tác tổ chức nhân sự, lao động, tiền lương, đào tạo, thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động, công tác khen thưởng, kỷ luật.

4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần

Bảng 1: *Cơ cấu cổ đông lớn của Tổng Công ty tính đến thời điểm 31/12/2010*

Nội dung	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn chủ sở hữu:	11.139.633	100,0%
- Cổ đông lớn (sở hữu trên 5%)	9.936.363	89,2%
- Cổ đông khác	1.203.270	10,8%
Trong đó:		
- Nhà nước	7.921.363	71,1%
- Người nước ngoài	-	-

Nguồn: Tổng Công ty

Bảng 2: *Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tính đến thời điểm 31/12/2010*

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ %
1	Nhà nước, đại diện bởi: Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	7.921.363	71,1%
2	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q3, TP.HCM	2.015.000	18,1%
TỔNG CỘNG			**9.936.363**	**89,2%**

Nguồn: Tổng Công ty

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **4103011967** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất số **0300546537** cấp ngày 06 tháng 04 năm 2010 thì Tổng Công ty không có cổ đông sáng lập.

4.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: *Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tính đến thời điểm 31/12/2010*

STT	Cơ cấu cổ đông	Số CP	Tỷ lệ %
1	Tổ chức	9.936.363	89,2%
2	Cá nhân	1.203.270	10,8%
	Trong đó:		
	Cổ đông cá nhân là người lao động TL4	*963.890*	*8,7%*
	Cổ đông cá nhân khác	*239.380*	*2,1%*
TỔNG CỘNG		**11.139.633**	**100,0%**

Nguồn : Tổng Công ty

5. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC CHÀO BÁN ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI VỚI TỔ CHỨC CHÀO BÁN

5.1 Các Công ty con của Tổng Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng 43

Địa chỉ: 44 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Bình Thạnh TP.HCM

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng: Công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu, thủy điện vừa và nhỏ, công trình thủy công, xây dựng công trình thủy công v.v…

Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng

Giá trị vốn góp: 3.093.300.000 Tỷ lệ vốn góp: 51,1%

Điện thoại: (08) 3899 6285 Fax: (08) 3899 1516

Công ty Cổ phần Bất động sản Thủy Lợi 4A

Địa chỉ: 205 Nguyễn Xí, phường 26, Quận Bình Thạnh TP.HCM

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại; Đại lý vé máy bay, đại lý du lịch, bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng v.v…

Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng

Giá trị vốn góp: 76.500.000.000 đồng Tỷ lệ vốn góp: 51%

Điện thoại: (08) 6257 2714 Fax: (08) 6257 2715

Công ty Cổ phần Cung ứng lao động dịch vụ Xây dựng Thủy lợi

Địa chỉ: 168 Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, Tp. HCM

Ngành nghề kinh doanh: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Dạy nghề. Tư vấn du học. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu, vé xe. Đại lý du lịch v.v…

Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng

Giá trị vốn góp: 3.060.000.000 Tỷ lệ vốn góp: 51%

5.2 Các Công ty liên kết của Tổng Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng 41

Địa chỉ: 50C Xa lộ Hà Nội – Phước Long A – Quận 9

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu, thủy điện nhỏ, công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn, xây dựng đường giao thông, công trình dân dụng, công nghiệp thuộc hệ thống công trình thủy lợi. Khai thác vận tải vật liệu xây dựng. Sản xuất khai thác và cung ứng các loại đá xây dựng; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, xử lý nền móng ; kinh doanh vận tải hàng hóa, kinh doanh bất động sản

Vốn điều lệ : 4.500.000.000 đồng

Giá trị vốn góp: 1.333.591.071 đồng

Điện thoại: (08) 3731 3110 Fax: (08) 3731 3021

Công ty Cổ phần Xây dựng 42

Địa chỉ: 10A/29 An Bình, Dĩ An, Bình Dương

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ, công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn, đường giao thông, công trình dân dụng, công nghiệp thuộc hệ thống công trình thủy lợi. Khai thác mặt

bằng. Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Khoan phụt chống thấm xử lý nền các công trình : giao thông, thủy lợi, thủy điện. Khoan đá nổ mìn, khai thác đá, khai thác cát. Sửa chữa gia công cơ khí, máy móc thiết bị chuyên ngành. Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn.

Vốn điều lệ : 10.990.800.000 đồng

Giá trị vốn góp: 4.763.876.983 đồng

Điện thoại: (08)3896 6743 Fax: (08) 3896 6743

Công ty Cổ phần Xây dựng 48

Địa chỉ: 88 Linh Xuân, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, khai thác và cung ứng vật liệu xây dựng. Thi công các móng công trình thủy lợi và thủy công các nhà máy, thủy điện bằng nổ phá. Xây dựng công trình thủy lợi trên hệ thống kênh, đường giao thông. Gia công và lắp đặt cơ khí công trình. Dịch vụ sửa chữa thiết bị, phụ tùng cơ giới, cơ khí thi công. Mua bán vật liệu xây dựng. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng. Gia công sản xuất đồ gỗ. Trồng, khai thác cây lâm nghiệp. Xây dựng công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, giao thông. Thi công xử lý chống thấm bằng phương pháp khoan phụt.

Vốn điều lệ : 6.134.530.000 đồng

Giá trị vốn góp: 1.670.747.040 đồng

Điện thoại: (08)3724 0565 Fax: (08) 3724 0743

5.2 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức chào bán: Không có

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây dựng các hạng mục công trình thủy lợi, thủy điện, các công trình cơ sở hạ tầng, giao thông. Trong quá trình hình thành, phát triển của mình, Tổng Công ty không ngừng tích lũy kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình.

Một số thông tin về các dự án tiêu biểu mà Tổng Công ty đã thực hiện :

STT	Thông tin dự án	Hình ảnh
1	**Hồ chứa Dầu Tiếng :** Thi công toàn bộ đầu mối, kênh chính, kênh cấp 1 (1981-1985). Đập chính dài 1.100m, chiều cao lớn nhất 24m. Đập phụ dài 25,4km. 2 Cống lấp nước với tổng lưu lượng 176m3/s. 2 hệ thống kênh tưới chính và với tổng chiều dài 83,96km. Diện tích mặt hồ là 274km2, dung tích 1,5 tỷ m2 nước. Cung cấp nước tưới cho 170.000 ha đất nông nghiệp khu vực Tây Ninh, Long An, TP.HCM. Được bằng khen của Hội xây dựng Việt Nam trong đợt tuyển chọn công trình xây dựng tiêu biểu toàn quốc 1986-1987	
2	**Hồ chứa nước sông Quao – Bình Thuận :** Thi công toàn bộ đầu mới và kênh chính (1989 – 1996). Công trình tưới cho 8.120 ha. Đập chính là đập đất cao 40m, đập tràn có lưu lượng tháo lũ 1.058m3/s. Công trình được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chứng nhận là Công trình chất lượng.	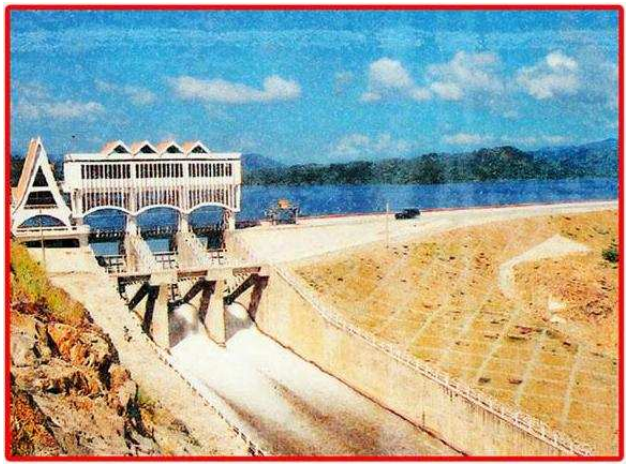
3	**Cụm đầu mối Thạch Nham – Quảng Ngãi :** Thi công toàn bộ đầu mối (1987 – 1990). Công trình tưới cho 50.000 ha. Đập dâng là đập bê tông trọng lực dài 200m, chiều cao lớn nhất 27m. có lưu lượng tháo lũ tối đa là 16.200m3/s. Công trình được Hội xây dựng Việt Nam công nhận là Công trình chất lượng tiêu biểu của Thập kỷ 90.	

4	**Hồ chứa nước Azun hạ - Gia Lai :** Thi công toàn bộ đầu mối và kênh chính (1990-1998). Công trình tưới cho 13.500ha. Đập chính là đập đất cao 36m, đập tràn có lưu lượng tháo lũ tối đa 1.237m3/s. Công trình được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chứng nhận là Công trình chất lượng cao.	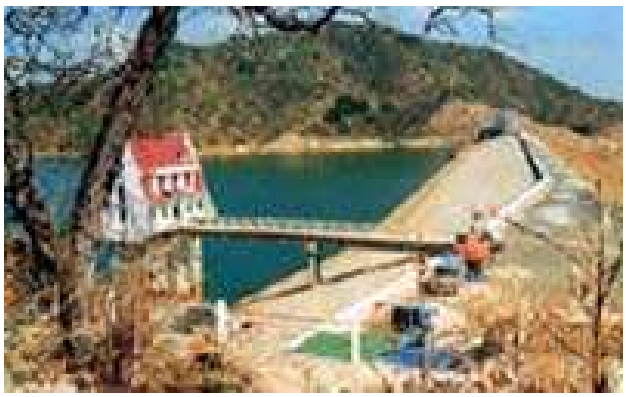
5	**Cống đập Ba Lai – Bến Tre :** Là công trình thủy lợi lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long, chặn một nhánh của sông Cửu Long nhằm ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng, cải tạo 115.000 ha trong đó có 88.500ha đất canh tác, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân Châu Thành, Giồng Trôm, thị xã Bến Tre. Thi công 2000-2002, đập dài 554m, thi công bằng công nghệ đắp đất trong nước, chặn dòng bằng cừ thép và bao vải địa chất chứa đất. Cống có 10 cửa (8m x 7,2m).	
6	**Thủy điện Trị An – Đồng Nai :** Thi công toàn bộ tuyến áp lực và ½ cửa nhận nước (1984-1987). Đập chính là đập đất đá hỗn hợp có chiều dài 420m, đập tràn là đập bê tông trọng lực, chiều dài 150m với 8 khoang tràn x 15m. Nhiệm vụ chính của công trình là phát điện công suất lắp máy 400MW, điện lượng trung bình hàng năm 1,7 tỷ KWH, cải thiện lưu lượng nước sông Đồng Nai vào mùa khô.	

7	**Thủy điện Thác Mơ – Sông Bé :** Thi công toàn bộ tuyến áp lực (1992-1995). Đập chính là đập đá hỗn hợp có chiều dài 460m, đập tràn là đập bê tông trọng lực, 4 khoang tràn 11m. Công trình phát điện với công suất lắp máy 150MW, điện lượng trung bình hàng năm 610 triệu KWH, cải thiện lưu lượng nước sông Bé vào mùa khô.	
8	**Thủy điện Quảng Trị :** Tổng thầu xây lắp, trực tiếp thi công đập chính và tràn xả lũ (2003-2007). Nhiệm vụ chính của công trình là điều tiết nước phục vụ tưới 12.281ha lúa, 1.600ha hoa màu, cấp nước sinh hoạt cho hạ lưu, giảm lũ cho hạ lưu và phát điện với công suất lắp máy 70MW, điện lượng trung bình hàng năm 260,52 triệu KWH. Đập chính là đập đá đổ bản mặt bê tông cốt thép lần đầu xây dựng tại Việt Nam.	
9	**Thủy điện A Vương – Quảng Nam :** Thi công đập chính và tràn xả lũ (2005-2008). Công trình phát điện với công suất lắp máy 210 MW và điện lượng trung bình hàng năm 815 triệu KWH. Đập chính là đập bê tông đầm lăn RCC, đập tih công theo công nghệ RCC đầu tiên của nước ta với khối lượng khoảng 400.000 m3 bê tông.	

10	**Thủy điện Đồng Nai 3 – Đắk Nông :** Tổng thầu xây lắp, trực tiếp thi công đập chính và tràn xả lũ (2006-2010). Nhiệm vụ chính của công trình phát điện với công suất lắp máy là 180MW và điện lượng trung bình hàng năm là 607,1 triệu KWH. Đập chính là đập bê tông đầm lăn (RCC), dài 640m. Khối lượng bê tông đập chính và trà là 1.147.000m3.	
11	**Thủy điện sông Tranh 2 – Quảng Nam :** Tổng thầu xây lắp, trực tiếp thi công đập chính và tràn xả lũ (2006-2010). Công trình phát điện với công suất lắp máy là 190MW, điện lượng trung bình hàng năm là 679,6 triệu KWH. Đập chính là đập bê tông đầm lăn RCC, dài 640m, khối lượng bê tông đập chính và đập tràn là 1.250.000m3.	

Nguồn : Tổng Công ty

Hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty được phân ra làm các nhóm chính là : xây dựng cơ bản, dịch vụ thí nghiệm, cho thuê kho bãi, xuất khẩu lao động và dạy nghề.

Hoạt động xây dựng cơ bản là hoạt động chính của Tổng Công ty, thi công các công trình thủy lợi, thủy điện, cơ sở hạ tầng giao thông và các công trình công nghiệp, dân dụng trên khắp địa bàn cả nước.

Dịch vụ thí nghiệm của Tổng Công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn xây dựng công trình, giám sát quá trình thi công công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng công nghiệp, thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, chất lượng xây dựng với trang thiết bị hiện đại (phòng thí nghiệm LAS 320 được bộ xây dựng công nhận hợp chuẩn).

Tổng Công ty khai thác lợi thế mặt bằng tại địa chỉ 34 đường Thủy Lợi, phường Phước Long A, quận 9, TP. Hồ Chí Minh (diện tích khoảng 74.000m2) kinh doanh cho thuê kho bãi. Theo công văn số 2995/UBND-ĐTMT của Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh ngày 25/06/2010, Ủy ban đã chấp thuận chủ trương giao đất có thu tiền sử dụng đất theo giá thị trường cho Tổng Công ty Thủy lợi 4 – CTCP để thực hiện dự án khu nhà ở tại khu đất này. Hiện Công ty đã ký kết hợp đồng lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 số 05/2010/HĐKT ngày 04/08/2010 và tiếp tục triển khai các công việc cần thiết liên quan đến dự án căn hộ và trung tâm thương mại tại khu đất này.

Hoạt động xuất khẩu lao động của Tổng Công ty cung cấp dịch vụ tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn (từ lao động phổ thông đến kỹ sư), ngoại ngữ, cho người lao động theo nhu cầu của nhà tuyển dụng. Công ty đã đưa được lao động chất lượng cao sang các nước phát triển như Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Nhật. Hoạt động đào tạo, dạy nghề được thực hiện bởi trường Cao đẳng nghề cơ giới và thủy lợi Đông Nam Bộ, đào tạo các bậc từ sơ cấp đến cao đẳng các nghề cơ điện, cơ khí, cơ giới, thủy lợi, tin học, tài chính, cũng như thực hiện nghiên cứu, thực hiện dịch vụ khoa học, công nghệ.

6.1.1 Doanh thu

Bảng 4: *Doanh thu thuần theo cơ cấu sản phẩm/dịch vụ của Tổng Công ty năm 2008, 2009 và 2010*

ĐVT: Triệu Đồng

Khoản mục	2008		2009		2010	
	Doanh thu thuần	% DTT	Doanh thu thuần	% DTT	Doanh thu thuần	% DTT
Xây dựng cơ bản	**1.109.415**	**97,5%**	**1.442.590**	**98,4%**	**1.776.218**	**99,6%**
Dịch vụ cung cấp	**28.772**	**2,5%**	**23.323**	**1,6%**	**5.370**	**0,4%**
Dịch vụ thí nghiệm	*2.166*	*0,2%*	*326*	*0,02%*	-	-
Cho thuê kho bãi sân	*4.341*	*0,4%*	*3.372*	*0,23%*	*5.370*	*0,4%*

Xuất khẩu lao động	*3.223*	*0,3%*	*2.483*	*0,17%*	-	-
Dạy nghề	*19.042*	*1,6%*	*17.142*	*1,19%*	-	-
Tổng	**1.138.187**	**100%**	**1.445.913**	**100%**	**1.781.589**	**100%**

Nguồn: Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo tài chính 2010

Tổng Doanh thu thuần của Tổng Công ty có sự tăng trưởng khá tốt trong giai đoạn này, doanh thu thuần năm 2009 tăng 27,0% so với năm 2008. Doanh thu thuần của hoạt động xây dựng cơ bản năm 2009 tăng 30,0% so với năm 2008. Với ngành nghề kinh doanh chính là thi công xây dựng cơ bản, gồm các công trình thủy lợi, thủy điện, các dự án cơ sở hạ tầng - giao thông nên doanh thu từ lĩnh vực xây dựng cơ bản của Tổng Công ty luôn có tỷ trọng cao trong tổng doanh thu thuần trung bình là trên 98%.

Các dịch vụ khác như dịch vụ thí nghiệm (kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng và chất lượng xây dựng các công trình v.v…), cho thuê kho bãi, xuất khẩu lao động và dạy nghề chiếm tỷ trọng không nhiều trong cơ cấu doanh thu của Tổng công ty. Trong các hoạt động khác thì hoạt động dạy nghề mang lại doanh thu cao nhất, chiếm 1,6% tổng doanh thu thuần năm 2008, 1,19% tổng doanh thu thuần năm 2009, sang năm 2010 thì hầu như chỉ có hoạt động cho thuê kho bãi (chiếm 0,4% doanh thu). Tuy doanh thu của thuần Tông Công ty tập trung nhiều vào lĩnh vực xây dựng cơ bản, nhưng doanh thu thuần trong lĩnh vực này của Tổng Công ty trong thời gian này có sự tăng trưởng ổn định và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng tổng doanh thu của Tổng Công ty giai đoạn này.

6.1.2 Lợi nhuận gộp

Bảng 5: *Lợi nhuận gộp theo cơ cấu sản phẩm/dịch vụ của Tổng Công ty năm 2008, 2009 và 2010*

ĐVT: Triệu Đồng

Khoản mục	2008		2009		2010	
	Lợi nhuận gộp	% Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp	% Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp	% Lợi nhuận gộp
Xây dựng cơ bản	**76.962**	**98,1%**	**108.400**	**96,5%**	**135.429**	**99,1%**

Dịch vụ cung cấp	**1.459**	**1,9%**	**3.930**	**3,5%**	**1.195**	**0,9%**
Dịch vụ thí nghiệm	*212*	*0,3%*	*-*	*0,0%*	*-*	*-*
Cho thuê kho bãi sân	*494*	*0,6%*	*942*	*0,8%*	*1.195*	*0,9%*
Xuất khẩu lao động	*52*	*0,1%*	*104*	*0,1%*	*-*	*-*
Dạy nghề	*701*	*0,9%*	*2.887*	*2,6%*	*-*	*-*
Tổng	**78.421**	**100%**	**112.330**	**100%**	**136.624**	**100%**

Nguồn: Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009, báo cáo tài chính năm 2010

Lợi nhuận gộp từ mảng xây dựng cơ bản của Tổng Công ty vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp trung bình là hơn 97%. Trong đó, tăng trưởng lợi nhuận gộp của mảng xây dựng cơ bản là 40,8% năm 2009 so với năm 2008 và cao hơn mức tăng trưởng doanh thu cùng giai đoạn (30%). Điều này là do năm 2009, nhờ chính sách kích thích kinh tế đồng thời với việc kiểm soát lạm phát tốt đã giúp cho chi phí sản xuất được bình ổn và không tăng đột biến như năm 2008, giúp cho các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn, trong đó có Tổng Công ty. Năm 2010, cơ cấu lợi nhuận gộp vẫn không có nhiều thay đổi lớn do Tổng Công ty vẫn tập trung hoạt động trong ngành chính của mình là xây dựng cơ bản, lợi nhuận gộp từ xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng tương ứng 99,1%.

6.2 Chi phí sản xuất kinh doanh

6.2.1 Cơ cấu tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

Bảng 6: *Cơ cấu tổng chi phí sản xuất kinh doanh 2008, 2009 và 2010*

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2008	Tỷ lệ	2009	Tỷ lệ	2010	Tỷ lệ
Giá vốn hàng bán	1.059.767	93,80%	1.333.583	94,24%	1.644.965	93,9%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý	20.335	1,80%	42.905	3,03%	54.089	3,1%
Chi phí tài chính	45.822	4,06%	33.080	2,34%	50.789	2,9%
Chi phí lãi vay	*44.112*	*3,90%*	*26.856*	*1,90%*	*32.432*	*1,9%*

Chi phí khác	3.799	0,34%	5.501	0,39%	1.608	0,1%
TỔNG CỘNG	**1.129.723**	**100%**	**1.415.069**	**100%**	**1.751.451**	**100%**

Nguồn: Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009, báo cáo tài chính năm 2010

Giá vốn hàng bán

Trong cơ cấu của chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, giá vốn hàng bán chiếm một tỷ trọng đáng kể, với tỷ lệ tương ứng năm 2008, 2009 là 93,80% và 94,24% trên tổng chi phí sản xuất. Đây là đặc thù ngành xây dựng trong đó giá vốn hàng bán bao gồm các chi phí như chi phí nguyên vật liệu xây dựng (chiếm hơn 40% giá vốn hàng bán), chi phí vận hành các thiết bị cơ giới, thiết bị nặng, cũng như chi phí nhân công lao động quản lý và trực tiếp thi công v.v…, thường chiếm tỷ trọng khá cao so với doanh thu thuần trong hoạt động xây dựng. Cơ cấu giá vốn hàng bán năm 2008 trên doanh thu thuần ở mức là 93,1% cao hơn mức 92,2% năm 2009 nguyên nhân là do năm 2008 tình hình lạm phát tăng cao làm tăng đáng kể chi phí nguyên vật liệu xây dựng, chi phí nhân công, chi phí vận hành máy móc thiết bị v.v… . Sang năm 2009, nhờ sự kiểm soát quyết liệt của Chính phủ nên tình trạng lạm phát cao đã được khống chế; chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2009 chỉ tăng 6,88% so với năm 2008 và là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2004 – 2009. Trong bối cảnh đó cũng như sự cố gắng của Tổng Công ty trong việc kiểm soát chi phí đã giúp Tổng Công ty gia tăng mức biên lợi nhuận lên 7,8% năm 2009 so với mức 6,9% năm 2008. Năm 2010, nhìn chung các chi phí liên quan đến giá vốn hàng bán của Tổng Công ty không có nhiều biến động lớn, giúp Tổng Công ty kiểm soát chi phí có hiệu quả hơn.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2008, 2009 và 2010 có tỷ trọng trên tổng chi phí sản xuất lần lượt là 1,80%, 3,03% và 3,1%. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần các năm 2008, 2009 và 2010 tương ứng là 1,7%, 3,0% và 3,0%. Năm 2009 có sự gia tăng cơ cấu chi phí quản lý trên doanh thu thuần như vậy một phần là do cuối năm 2008, Tổng Công ty hoàn tất việc cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và tiến hành nhiều công tác để tổ chức hoạt động theo mô hình Tổng Công ty cổ phần, đồng thời quản lý có hiệu quả hơn đối với các chi nhánh của Tổng Công ty trên cả nước. Năm 2010, với việc tổ chức hoạt

động gọn nhẹ và hướng tới hiệu quả công việc cao tại văn phòng Tổng Công ty, đồng thời phối hợp chặt chẽ về công tác quản lý sản xuất kinh doanh, thi công xây dựng với các đơn vị trực thuộc trên cả nước, nên Tổng Công ty đã kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp khá hiệu quả, tỷ trọng chi phí quản lý trên doanh thu thuần năm 2010 là 3,0%.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính, mà trong đó phần lớn là chi phí lãi vay, cho thấy Tổng Công ty sử dụng nguồn vốn vay nợ khá nhiều. Tuy nhiên, Tổng Công ty đang thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng giảm tỷ trọng nguồn vốn từ vay, gia tăng nguồn vốn chủ sở hữu nhằm đảm bảo cân đối tài chính và gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tỷ lệ vay nợ ngắn hạn và dài hạn trên vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty trong năm 2008 là 2,8 lần và giảm xuống còn 1,7 lần năm 2009. Tỷ trọng vay nợ trong cơ cấu nguồn vốn của Tổng Công ty một phần là do đặc thù ngành xây dựng cơ bản của Tổng Công ty đòi hỏi có nguồn vốn lớn để vừa đảm bảo có nguồn vốn đối ứng để thực hiện các dự án xây dựng, huy động thiết bị máy móc chuyên dụng, nhân công để tiến hành các dự án, mà trước đây công ty chủ yếu huy động từ nguồn vốn vay. Tỷ lệ lãi vay trên lợi nhuận trước thuế và lãi vay ở mức khá cao, năm 2008 là 58% tuy nhiên đã giảm về mức 34,7% trong năm 2009. Có được mức giảm như vậy một phần là do chính sách kích cầu của Chính phủ khi cho các doanh nghiệp được vay ở mức lãi suất ưu đãi nhằm duy trì sản xuất kinh doanh trong thời điểm khó khăn năm 2008 và đầu năm 2009. Năm 2010, tỷ lệ lãi vay trên lợi nhuận trước thuế công lãi vay tăng lên mức 35,0%; vay ngắn hạn và dài hạn trên vốn chủ sở hữu ở mức 1,7 lần là do Tổng Công ty giải ngân các khoản vay nhằm đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Về lâu dài, với sự phát triển của thị trường vốn thì Tổng Công ty sẽ thuận lợi hơn trong việc huy động các nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn vay, đảm bảo cơ cấu nguồn vốn lành mạnh đồng thời giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, đem lại lợi ích cho cổ đông và người lao động.

6.3 Trình độ công nghệ

Ngành xây dựng cơ bản luôn đòi hỏi các đơn vị thi công tìm tòi, áp dụng các công nghệ mới vào thi công xây dựng, đảm bảo tiến độ và chất lượng. Tổng Công ty là một trong những đơn vị đi đầu trong việc áp dụng các công nghệ tiên tiến, như

công nghệ xây dựng đập bê tông đầm lăn (RCC), đập đá đổ bản mặt bê tông cốt thép (CFRD) cho công trình thủy điện A Vương, thủy điện Quảng Trị. Các công nghệ này rút ngắn thời gian thi công, sử dụng tối ưu vật liệu xây dựng, thích hợp nhiều địa hình cũng như đảm bảo độ bền hạn chế tối đa nứt gãy công trình so với công nghệ bê tông thông thường. Bên cạnh đó, Tổng Công ty còn áp dụng các thiết bị hiện đại sử dụng cho công tác thi công, kiểm tra như:

- Máy trộn bê tông B150 (Pháp)
- Đo dung trọng RCC Troxler 3430 (Mỹ)
- Đo thời gian ninh kết RCC HG-800SS
- Máy kéo uống thép WE-1000B
- Máy đo độ thấm bê tông HS40
- Máy đo hàm lượng khí trong bê tông HC-7L-X1Y1 v.v…

6.4 Tình hình kiểm tra chất lượng công trình

Hình 3 : *Quy trình chung đảm bảo chất lượng công trình*

Nguồn : Tổng Công ty

Tổng công ty đặt ra quy định chặt chẽ về việc quản lý chất lượng công trình, các công trình cần có các yếu tố sau:

- Theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành trong xây dựng, các chuyên ngành xây dựng như thủy lợi, giao thông…
- Theo tiêu chuẩn kỹ thuật đặc biệt quy định cho từng công trình cụ thể
- Đảm bảo tiến độ tổng thể và các mốc tiến độ của công trình

- Kết quả vận hành công trình sau khi xây dựng xong và thẩm mỹ công trình

Công tác kiểm tra tham mưu xây dựng quy trình quản lý chất lượng được giao cho ban kỹ thuật công nghệ và thẩm định: hướng dẫn các công trường tuân theo quy trình chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật. Nghiên cứu các công nghệ mới, tiêu chuẩn mới cả trong và ngoài nước. Quy trình quản lý chất lượng chi tiết cho từng công trình được phân cấp cho từng công trường với sự giám sát chặt chẽ của phòng kỹ thuật công trường cũng như ban kỹ thuật công nghệ và thẩm định.

Công tác kiểm tra chất lượng công trình được Tổng Công ty giao cho Công ty tư vấn xây dựng (là một chi nhánh của Tổng Công ty) với các thiết bị tiên tiến như máy nén bê tông, kéo thép, máy đo mô-đun đàn hồi của bê tông, máy đo độ thấm bê tông v.v….Ngoài ra, phòng thí nghiệm xây dựng LAS 320 của Công ty tư vấn xây dựng được Bộ xây dựng công nhận khả năng thực hiện các phép thử về công tác bê tông và đất đá, được cấp mã số chứng nhận LAS-XD112.

Nhằm phục vụ hoạt động giám định chất lượng công trình, Tổng công ty tổ chức các phòng thí nghiệm xây dựng ngay tại hiện trường công trình được trang bị các máy móc thí nghiệm hợp chuẩn bộ Xây dựng, dưới sự giám sát trực tiếp về chuyên môn của Công ty tư vấn xây dựng, về tiến độ bởi Ban điều hành công trường. Quy trình thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng (đất đá, bê tông v.v…) và công trình thi công như sau :

- Nghiên cứu lập đề cương thí nghiệm
- Thực hiện đề cương thí nghiệm sau khi được chủ đầu tư phê duyệt
- Thực hiện thu thập mẫu vật thí nghiệm, tiến hành nghiên cứu để báo cáo các đơn vị liên quan có thẩm quyền xử lý nếu cần thiết
- Lập báo cáo, hồ sơ hoàn công chất lượng.

6.5 Hoạt động Marketing

Với 30 năm kinh nghiệm và uy tín của Tông Công ty trong lĩnh vực thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, công ty đã tạo một chỗ đứng nhất định trong ngành.

Đối với các dự án quy mô lớn, với uy tín của mình, Tổng Công ty được Chính phủ, các bộ ngành liên quan tín nhiệm chỉ định thầu tham gia các dự án như thủy điện A Vương (Quảng Nam), thủy lợi – thủy điện Cửa Đạt (Thanh Hóa) v.v… theo cơ

chế 797-400 (theo văn bản 797/CP-CN ngày 17/06/2003 và 400/CP-CN ngày 26/03/2004). Điều này chứng tỏ thương hiệu thủy lợi 4 đã tạo được uy tín trong ngành xây dựng thủy lợi, thủy điện.

Tổng công ty đã giao nhiệm vụ trực tiếp tìm kiếm các cơ hội, tham gia đấu thầu cho các chi nhánh của mình, dưới sự giám sát, hướng dẫn của Ban Kỹ thuật Công nghệ và Thẩm định đối với các dự án xây dựng cơ bản khác. Điều này giúp cho Tổng Công ty có sự linh hoạt cần thiết trong công tác nâng cao hơn nữa uy tín của thương hiệu Thủy lợi 4.

6.5.1 Thị trường

Thị trường của Tổng Công ty được phân làm hai nhánh: thị trường truyền thống (gồm các công trình thủy lợi, thủy điện, hạ tầng giao thông quy mô lớn), và thị trường phi truyền thống (công trình quy mô nhỏ tại địa phương). Tổng Công ty xác định tập trung sức mạnh để tạo vị thế vững chắc trong thị trường truyền thống và cũng là nơi tập trung khuếch trương uy tín của Tổng Công ty. Thị trường phi truyền thống giúp Tổng Công ty tận dụng năng lực dôi dư tạm thời, mở rộng hợp tác với nhiều đối tác trong việc thi công xây dựng. Hiện nay nhìn chung cơ sở hạ tầng của Việt Nam tuy đã có nhiều thành tựu phát triển, tuy nhiên vẫn chưa tương xứng với với tốc độ phát triển kinh tế; đặc biệt các công trình thủy lợi tại các thành phố lớn vẫn chưa đáp ứng được sự phát triển nhanh về dân số nên thường gây ra tình trạng ngập úng, đặc biệt khi triều cường, mưa lớn. Đây chính là cơ hội mở rộng hoạt động xây dựng thủy lợi của Tổng Công ty ra thêm nhiều địa bàn trên cả nước.

6.5.2 Công tác xây dựng thương hiệu

Trải qua 30 năm hình thành và phát triển, Tổng Công ty đã tạo dựng được thương hiệu uy tín của mình trong ngành xây dựng cơ bản với các hạng mục công trình quy mô lớn, mang tầm cỡ Quốc gia như hồ Dầu Tiếng, cống đập Ba Lai (Bến Tre), Thủy điện Trị An, Thác Mơ, A Vương v.v…

Tổng Công ty định hướng xây dựng phát triển thương hiệu của mình bằng việc phát huy, nâng cao năng lực tự có, nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm thiểu chi phí, không ngừng nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới vào việc thi công xây dựng, đảm bảo tiến độ và nâng cao chất lượng công trình. Tổng Công ty hướng đến mục tiêu phát triển bền

vững, lâu dài với phương châm: Uy tín – Tiến độ - Chất lượng – Hiệu quả, tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế nói chung và phát triển cơ sở hạ tầng cơ bản nói riêng của đất nước.

Ngoài ra, Tổng Công ty còn chú trọng vào việc xây dựng, phát huy truyền thống văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường lao động tích cực, củng cố khai thác có hiệu quả bộ phận quảng cáo tiếp thị, tích cực tìm kiếm các cơ hội mới.

6.6 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:

Một số hợp đồng xây dựng cơ bản của Tổng Công ty đang được thực hiện cụ thể như sau:

Bảng 7: *Danh sách một số hợp đồng đang thực hiện của Tổng Công ty*

ĐVT: triệu đồng

Số hợp đồng	Nội dung	Chủ đầu tư	Tổng Giá trị hợp đồng	Thời gian kết thúc
180505HĐ/EVN/ ATĐ6	**Công trình Thủy điện Đồng Nai 3**: Tổng thầu đập chính + đập tràn	**EVN – ATĐ6**	1.342.281	2010
950/ATĐ3-P2T	**Công trình Thủy điện Sông Tranh 2**: Tổng thầu đập chính + đập tràn	**EVN – ATĐ6**	1.352.121	2011
09/2009/HĐNT	**Công trình Thủy điện Sông Bung 4A**: Tổng thầu đập chính + đập tràn	**CTCP – Phú Thạnh Mỹ**	299.584	2012
45/HĐ-TĐSB4-P2	**Công trình Thủy điện Sông Bung 4**: thi công đường vào công trình	**BQLDA-TĐSB4**	17.418	2010
42/HĐXD-CPTĐMN	**Công trình Thủy điện Đambri**: Đập chính + đập tràn	**CP-TĐ MIỀN NAM**	285.449	2011
36/HĐ/DATL-TTXD	**Công trình Thủy lợi Cửa Đạt**: Tổng thầu đập chính	**BQLDA - XDTL3**	985.000	2010
46/2008/HĐXD-TT	**Công trình Thủy lợi Tả Trạch**: Tổng thầu đập chính, các hạng mục khác	**BAN QLĐT-XDL5**	657.501	2012

25/HĐXD/BQL	**Công trình KrongBuk hạ:** Đập chính, các hạng mục khác	**BAN QLĐT-XDL8**	84.205	2011
13/HĐXD-BQLXDTL	**Công trình Đăk Rồ**: Đập chính, các hạng mục khác	**SỞ NN – ĐẮK NÔNG**	57.500	2010

Nguồn: Tổng Công ty

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

Bảng 8: *Chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008, 2009 và 2010*

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2008	2009	% Tăng/Giảm so với 2008	2010
Tổng giá trị tài sản	1.387.916	1.562.593	12,59%	1.674.217
Doanh thu thuần	1.138.187	1.445.913	27,04%	1.781.589
Lợi nhuận từ HĐKD	29.579	46.751	58,06%	56.305
Lợi nhuận khác	2.371	4.731	99,54%	165
Lợi nhuận trước thuế	31.217	50.548	61,92%	60.104
Lợi nhuận sau thuế	22.215	38.173	71,83%	46.710

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009, báo cáo tài chính 2010 của Tổng Công ty

Dù giai đoạn 2008 - 2009 là giai đoạn nhiều biến động và thử thách của nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, nhưng Tổng Công ty đã nỗ lực đạt được những kết quả nhất định trong sản xuất kinh doanh. Tổng doanh thu thuần tăng 27,04%, lợi nhuận từ HĐKD tăng 58,06% năm 2009 so với 2008. Có được sự tăng trưởng này ngoài sự nỗ lực của tập thể Tổng Công ty trong việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thì yếu tố vĩ mô thuận lợi năm 2009 cũng góp một phần quan trọng. Tình hình lạm phát năm 2009 được kiểm soát tốt nên chi phí nguyên vật liệu, nhân công v.v… không còn gia tăng đột biến như năm 2008, giúp Tổng Công ty quản lý tốt hơn các khoản chi phí này. Ngoài ra, chi phí lãi vay năm 2009 cũng

giảm 38% so với năm 2008 một phần là nhờ Tổng Công ty tiếp cận được nguồn vốn vay kích cầu lãi suất ưu đãi cũng như đã sử dụng nguồn vốn này một cách có hiệu quả cao vào công tác sản xuất kinh doanh. Năm 2010, Tổng Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh của mình, đạt kết quả sản xuất khả quan, doanh thu thuần là 1.781.589 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2009, lợi nhuận sau thuế là 46.710 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2009.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2010

7.2.1 Các nhân tố thuận lợi

Với kinh nghiệm xây dựng các công trình thủy lợi lớn như công trình cống đập Ba Lai (Bến Tre), Cống Vĩnh Kim (Trà Vinh) v.v… là một lợi thế lớn cho Tổng công ty khi đấu thầu, tham gia các dự án thủy lợi trong tương lai. Yêu cầu phát triển của nền nông nghiệp dẫn đến yêu cầu xây dựng các công trình thủy lợi là khá lớn. Trong khi đó Việt Nam hiện nằm trong vùng chịu nhiều tác động của thiên tai, bão lũ nên để đảm bảo các diện tích gieo trồng phát triển tốt nói riêng và sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp nói chung, hệ thống thủy lợi cần được đầu tư phát triển hơn nữa. Ngoài ra với việc đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng ở các thành phố lớn, tạo sức ép lên việc cấp, tiêu thoát nước, dẫn đến hệ thống thủy lợi không đáp ứng kịp thời, tình trạng ngập úng nặng do triều cường diễn ra thường xuyên hơn ảnh hưởng không tốt đến môi trường kinh tế, xã hội. Do đó Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn đã chủ trương tiến hành rà soát các công trình thủy lợi, nâng cấp, lập dự án xây dựng mới nhằm đảm bảo hệ thống thủy lợi đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Ngoài ra, từ yêu cầu sử dụng điện ngày càng tăng để phục vụ sự phát triển kinh tế, nhiều đề án thủy điện đã và đang được nghiên cứu, triển khai với sự khuyến khích tham gia của các thành phần kinh tế trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài theo các hình thức đầu tư hợp pháp theo Quyết định 110/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025.

Tổng Công ty không ngừng cải tiến, áp dụng công nghệ mới vào việc xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện như công nghệ xây dựng đập bê tông đầm lăn (RCC), khắc phục nhược điểm của công nghệ bê tông thông thường như tỏa nhiệt

không đồng bộ dễ gây nứt gẫy công trình, xi măng dùng làm chất kết dính không được sử dụng một cách tối ưu nhất, thời gian thi công kéo dài v.v.., rút ngắn thời gian thi công nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, ngày càng nâng cao hiệu quả xây dựng, kinh doanh của Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các đơn vị phụ thuộc và công ty cổ phần ở khắp các tỉnh thành trong cả nước, là đơn vị chủ lực trong xây dựng về thủy điện, thủy lợi và chiếm thị phần lớn trong xây dựng cơ bản. Tổng Công ty có một đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế và cán bộ kỹ thuật công nhân lành nghề được đào tạo bài bản và dày dạn kinh nghiệm quản lý và thi công. Với 30 năm kinh nghiệm tham gia xây dựng các công trình lớn Tổng Công ty đã từng bước khẳng định vị thế, xây dựng được một thương hiệu vững mạnh trong ngành xây dựng cơ bản.

Ngoài ra có thể kể đến sự ổn định của kinh tế vĩ mô, đặc biệt tình hình lạm phát đã được kiểm soát tốt là nền tảng giúp cho Tổng Công ty có được kết quả sản xuất kinh doanh khả quan trong năm 2010.

7.2.2 Các nhân tố khó khăn

Những năm trước do phải đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên Tổng công ty cùng các đơn vị thành viên tham gia đấu thầu cạnh tranh một số công trình giảm giá nhiều nên hiệu quả kinh doanh chưa cao.

Giai đoạn từ năm 2003 đến nay Tổng Công ty được Chính phủ, các Bộ giao làm tổng thầu hoặc tham gia trong các tổ hợp nhà thầu xây dựng công trình có quy mô lớn theo cơ chế 797-400 (theo văn bản 797/CP-CN ngày 17/06/2003 và 400/CP-CN ngày 26/03/2004) vừa làm vừa thiết kế vì thế không có tổng dự toán, việc thanh toán khối lượng theo giai đoạn là tạm thời và thủ tục phức tạp, nên công tác thu hồi vốn chậm trong khi đó vốn kinh doanh của Tổng công ty còn thấp, vốn thi công chủ yếu bằng vốn vay của Ngân hàng, trả lãi vay lớn nên hiệu quả kinh doanh không cao, tích lũy chưa đáng kể.

Hiện nay, Tổng Công ty sử dụng nguồn vốn chủ yếu từ các khoản vay nợ ngắn và dài hạn, do đó chi phí lãi vay hằng năm phải trả là khá cao, làm giảm hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, cũng như không tạo được sự linh hoạt trong việc đầu tư các dự án xây dựng, kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Tổng Công ty có kế hoạch cơ cấu nguồn vốn, giảm bớt vốn vay, bổ sung vốn chủ sở hữu nhằm thực hiện đầu tư sản xuất kinh doanh được hiệu quả hơn.

8. VỊ THẾ CỦA TỔNG CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

8.1 Vị thế của Tổng Công ty trong ngành

Tổng Công ty có những điểm mạnh trong ngành xây dựng cơ bản như sau :

Thương hiệu: Tổng Công ty với 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng cơ bản nói chung và xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện nói riêng đã tạo được vị thế nhất định trong ngành. Tổng Công ty đã được chỉ định tổng thầu thi công nhiều công trình trọng điểm như thủy điện Quảng Trị, thủy điện Đồng Nai 3.

Trình độ áp dụng công nghệ tiên tiến hiện đại: Tổng Công ty không ngừng áp dụng các công nghệ xây dựng tiên tiến vào các công trình xây dựng, ví dụ công nghệ bê tông đầm lăn được áp dụng lần đầu tiên trong nước vào công trình thủy điện A Vương, công nghệ đập đá đổ bản mặt bê tông cốt thép lần đầu tiên trong nước được áp dụng cho công trình thủy điện Quảng Trị. Ngoài ra Tổng Công ty còn tăng cường trang bị các thiết bị chuyên dụng tiên tiến như máy trộn Bê tông B150 (Pháp), máy đo dung trọng RCC Troxler 3430 (Mỹ) nhằm nâng cao năng lực thi công, giám sát.

Đội ngũ cán bộ: Yếu tố con người luôn được Tổng Công ty đặt lên hàng đầu. Với đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân viên có trình độ chuyên môn, kiến thức chuyên sâu, nhiều năm kinh nghiệm xây dựng với các công trình trải dài khắp cả nước, Tổng Công ty luôn tự tin trong công tác đấu thầu, thi công các công trình xây dựng cơ bản nói chung, các công trình thủy lợi, thủy điện nói riêng.

Chất lượng công trình: Tổng Công ty đã chứng tỏ được năng lực và uy tín của mình với các bằng khen, chứng nhận chất lượng công trình như : bằng khen của Hội xây dựng Việt Nam trong đợt thi tuyển chọn công trình xây dựng tiêu biểu toàn quốc 1986-1987 cho công trình hồ chứa nước Dầu Tiếng ; chứng nhận Công trình chất lượng cao của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cho các công trình hồ chứa nước Sông Quao, Đạ Tẻ, Azun hạ, công trình thủy lợi Thạch Nham v.v…

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Theo một số nghiên cứu, tiềm năng thủy điện của nước ta vào khoảng 60 đến 80 tỷ KWH, trong khi đó dự kiến đến năm 2010 khai thác được 35 tỷ KWH, 60 đến 65 tỷ KWH đến năm 2020, cho thấy tiềm năng thủy điện vẫn còn khá lớn, cần được

khai thác để bù đắp lượng điện thiếu hụt hàng năm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội. Ngoài ra, tình hình giá cả của các nguồn năng lượng cơ bản như dầu, than diễn biến tăng đáng kể, cũng làm ảnh hưởng hoạt động, hiệu quả của các nhà máy nhiệt điện, làm tăng tiềm năng đầu tư xây dựng vào các công trình thủy điện.

Nông nghiệp đóng vai trò khá quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt vai trò đảm bảo an ninh lương thực nên nhu cầu rà soát, sửa chữa cải tạo và xây dựng mới các công trình thủy lợi là khá lớn, đặc biệt khi tình hình thời tiết diễn biến phức tạp gây lũ lụt, ngập úng các diện tích trồng trọt. Ngoài ra các công trình thủy lợi cấp thoát nước cho đô thị lớn cũng cần được cải tạo, xây dựng mới, nhằm xóa bỏ tình trạng ngập đang diễn ra trầm trọng.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Việc Tổng Công ty định hướng phát triển vào đấu thầu, thi công xây dựng dự án thủy điện là phù hợp với chủ trương phát triển cung cấp điện phục vụ sự phát triển kinh tế. Nhiều đề án thủy điện đã và đang được nghiên cứu, triển khai với sự khuyến khích tham gia của các thành phần kinh tế trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài theo các hình thức đầu tư hợp pháp theo Quyết định 110/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025. Ngoài ra đầu tư xây dựng thủy điện, đặc biệt ở các nước đang phát triển có tiềm năng thủy điện lớn là xu hướng chung, trong bối cảnh các nguồn năng lượng cơ bản như dầu, than tăng giá nhanh chóng, cũng như tình hình ô nhiễm môi trường diễn biến càng phức tạp.

Ngoài ra, hệ thống cơ sở hạ tầng đường xá, cầu cảng của Việt Nam tuy đã có những bước phát triển nhất định, nhưng vẫn còn những hạn chế chưa theo kịp tốc độ phát triển kinh tế. Do đó, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, các công trình xây dựng cơ bản chính là mục tiêu lâu dài của đất nước. Do đó, việc Tổng Công ty nâng cao năng lực mở rộng sang lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng là phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

9.1 Phân loại

Số lượng lao động của Tổng Công ty đến 30/09/2010 là: **1.546** người, trong đó:

Phân theo trình độ

+ Trên Đại học: 14 người
+ Đại học: 295 người
+ Cao đẳng, trung cấp: 283 người
+ Khác: 954 người

Phân theo Hợp đồng lao động

+ Hợp đồng dài hạn: 892 người
+ Hợp đồng ngắn hạn: 78 người
+ Hợp đồng thời vụ: 576 người

9.2 Chế độ làm việc

9.2.1 Thời gian làm việc

- Sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30
- Chiều từ 1 giờ đến 5 giờ
- Ngày nghỉ hàng tuần : Thứ bảy, chủ nhật
- Một số quy định khác theo Nghị định 195-CP và Nghị định 109/2002 – NĐCP nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 195-NĐCP

9.2.2 Nghĩ phép, lễ Tết

- Người lao động được nghỉ phép hàng năm là 12 ngày, số ngày nghỉ hàng năm được tăng thêm theo thâm niên làm việc tại Tổng Công ty, cứ năm năm được nghỉ thêm một ngày. Những ngày nghỉ lễ, Tết được thực hiện theo quy định tại điều 73 Luật Lao động

9.3 Đào tạo

9.3.1 Tuyển dụng

Tổng Công ty chú trọng tuyển dụng người lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao. Nhân viên được tuyển dụng qua nhiều kênh thông tin, trong đó có tiến

hành tuyển dụng người lao động từ các trường cao đẳng, nghề thủy lợi, xây dựng v.v…

9.3.2 Đào tạo

Tổng Công ty rất chú trọng đến việc nâng cao năng lực, chuyên môn của người lao động nhằm tận dụng, phát huy hơn nữa các thế mạnh của Tổng Công ty. Khi thay đổi kỹ thuật, công nghệ, Tổng công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động về thời gian điều kiện đi học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Các cán bộ quản lý cũng được cử đi bồi dưỡng chuyên môn, năng lực quản lý nhằm mục đích nâng dần hiệu quả trong công tác quản lý của Tổng Công ty. Điều này cho thấy Tổng Công ty luôn đề cao vai trò quan trọng của người lao động trong việc phát huy các thế mạnh của mình để phát triển hơn nữa.

9.4 Chế độ Lương, thưởng

Bảng 9: *Mức lương, thưởng bình quân của Tổng Công ty năm 2008, 2009*

Khoản mục	2008	2009
Tổng số lao động (người)	2.191	1.547
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	3.263.000	4.062.000

Nguồn: Tổng Công ty

Nhằm khuyến khích, động viên người lao động đóng góp nhiều hơn nữa vào sự phát triển của Tổng Công ty, chính sách lương thưởng luôn được Tổng Công ty quan tâm xem xét.

Theo thỏa ước Lao động tập thể của Tổng Công ty được Tổng giám đốc và Chủ tịch công đoàn ký năm 2008, tiền lương của người lao động do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng lao động, được trả theo năng suất lao động, chất lượng hiệu quả công việc. Mức lương của người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

Tiền lương của người lao động được trả theo năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả công việc theo định mức và đơn giá do Nhà nước hoặc Tổng Công ty quy định đối với hợp đồng có thời hạn, hợp đồng không thời hạn. Tiền lương của người lao động thời vụ (khoán gọn) được trả theo khối lượng và chất lượng công

việc, mức độ hoàn thành theo hợp đồng giao kết. Ngoài ra, nhằm khuyến khích tinh thần tự giác, lao động, sáng tạo của người lao động, Tổng Công ty còn quy định về việc khen thưởng, cũng như việc kỷ luật trong thỏa ước Lao động tập thể.

Khi doanh nghiệp xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động, áp dụng hệ thống thang lương của bảng lương do doanh nghiệp xây dựng phải thông qua Đại hội đồng cổ đông và đăng ký thang, bảng lương với cơ quan quản lý có thẩm quyền. Điều này đảm bảo chế độ lương thưởng cho người lao động được hợp lý, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, cũng như sự công khai, công bằng trong việc chi trả lương, thưởng.

Ngoài ra, Tổng Công ty còn đảm bảo nộp đầy đủ kịp thời Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, lập sổ Bảo hiểm Xã hội, mua Bảo hiểm Y tế cho người lao động đúng theo quy định của cơ quản Bảo hiểm Xã hội. Một số quyền lợi nghĩa vụ khác của người lao động đảm bảo phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng Quản trị đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định thông qua như sau:

- Tổng Công ty chỉ trả cổ tức cho các cổ đông khi Tổng Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ chia cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Cổ tức được chia cho các cổ đông tương đương với phần vốn góp của cổ đông
- Theo kế hoạch, cổ tức năm 2010 sẽ là 15%

11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Khác biệt số liệu đầu kỳ trong Báo cáo tài chính hợp nhất 2009 đã kiểm toán so với số liệu cuối kỳ trong Báo cáo tài chính hợp nhất 2008 đã kiểm toán của Tổng Công ty phát sinh từ khác biệt số liệu trong Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm 2009 và năm 2008 của Tổng Công ty. Khác biệt số liệu đầu kỳ trong báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm 2009 và số liệu cuối kỳ trong báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm 2008 là do điều chỉnh căn cứ trên biên bản quyết toán bàn giao tài

chính ngày 29/11/2009 từ Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 (Doanh nghiệp Nhà nước) sang Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP tại thời điểm 31/12/2008.

Căn cứ Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính tại điều 23 Hướng dẫn bổ sung phương pháp kế toán đánh giá lại tài sản và chuyển đổi số dư trên sổ kế toán, trình bày Báo cáo tài chính khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp – Điểm 2.2 chuyển số dư trên sổ kế toán và trình bày báo cáo tài chính. Trong kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi trên bảng cân đối kế toán, cột "số đầu năm" không có số liệu; nhằm theo dõi có hệ thống và lấy số liệu tham chiếu cho các kỳ sau, Tổng Công ty đã lấy số dư đầu kỳ theo biên bản bàn giao.

Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán 2008, 2009 của Tổng Công ty:

STT	Khoản mục (VNĐ)	Cuối kỳ 2008	Quyết toán bàn giao tài chính (1)	Đầu kỳ 2009 (2)	Chênh lệch (1) – (2)
1	Phải thu khách hàng	23.154.831.757	20.475.308.240	20.475.308.240	0
2	Các khoản phải thu khác	20.244.683.195	18.560.032.820	18.560.032.820	0
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	0	0	124.836.150	-124.836.150
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.625.713.073	24.625.713.073	24.770.549.223	-144.836.150
5	Người mua trả tiền trước	360.436.282.334	359.630.206.364	360.436.282.334	-806.075.970
6	Các khoản phải trả, phải nộp khác	37.563.098.733	36.961.715.947	35.999.672.699	-962.043.248
7	Phải trả dài hạn khác	272.675.631.669	272.675.631.669	272.811.598.947	-135.967.278
8	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.045.877.854	0	0	0
9	Vốn điều lệ	69.111.660.353	85.785.000.000	85.785.000.000	0
10	Quỹ đầu tư phát triển	6.711.014.548	0	0	0
11	Quỹ dự phòng tài chính	3.175.007.650	0	0	0
12	Lợi nhuận chưa phân phối	7.834.182.687	0	0	0
13	Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.228.894.517	6.558.917.851	6.558.917.851	0

Đối với khoản số 3, 4, 5, 6 trong bảng trên, số liệu trong biên bản bàn gioa tài chính có khác biệt với số liệu đầu kỳ năm 2009 là do:

a. Khoản "người mua trả tiền trước": Chênh lệch 806.075.970 đồng (doanh thu chưa thực hiện – tài khoản 3387) là do trong biên bản bàn giao tài chính, khoản trả trước này được đưa vào "các khoản phải trả phải nộp (ngắn hạn) khác", trong báo cáo tài chính kiểm toán 2009 thì khoản trả trước này được đưa vào khoản "người mua trả tiền trước"

b. Khoản "các khoản phải trả phải nộp (ngắn hạn) khác": Chênh lệch 962.043.248 đồng là do chênh lệch 806.075.970 đồng với lý do kể trên và chênh lệch 155.967.278 đồng là khoản ký quỹ của lao động đi xuất khẩu lao động 2 năm được hạch toán vào khoản "phải trả dài hạn khác" trong báo cáo tài chính kiểm toán 2009.

c. Khoản "Thuế và các khoản phải thu Nhà nước": chênh lệch 124.836.150 đồng là khoản thuế nhập khẩu được giảm, trong biên bản bàn giao được bù trừ bên phải trả. Trong báo cáo tài chính kiểm toán 2009, do không được bù trừ các sắc thuế nên phải hạch toán tăng đồng thời bên phải thu và phải trả tương ứng là 124.836.150 đồng.

d. Khoản "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước": chênh lệch 144.836.150 đồng, trong đó 124.836.150 đồng chênh lệch đã được giải thích ở điểm c trên. Khoản chênh lệch 20.000.000 đồng là khoản tiền nộp cho Sở tài chính được chuyển từ khoản "Phải trả dài hạn khác" samg trong báo cáo tài chính kiểm toán 2009.

e. Khoản "Phải trả dài hạn khác": chênh lệch 135.967.278 đồng là do chênh lệch khoản 20.000.000 đồng và 155.967.278 đồng đã được giải thích ở trên.

Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2008, 2009:

STT	Khoản mục (VNĐ)	Cuối kỳ 2008 (1)	Đầu kỳ 2009 (2)	Khác biệt (2) – (1)
1	Phải thu khách hàng	38.839.832.798	36.160.309.281	-2.679.523.517
2	Các khoản phải thu khác	57.389.561.537	55.704.911.162	-1.684.650.375
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	124.836.150	124.836.150
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	32.248.060.615	32.392.896.765	144.836.150
5	Người mua trả tiền trước	377.956.702.705	377.956.702.705	-
6	Các khoản phải trả, phải nộp khác	45.807.296.732	44.043.320.698	-1.763.976.034
7	Phải trả dài hạn khác	272.675.631.669	272.811.598.947	135.967.278
8	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.120.054.384	74.176.530	-1.045.877.854
9	Vốn điều lệ	69.111.660.353	85.785.000.000	16.673.339.647
10	Quỹ đầu tư phát triển	7.274.783.453	563.768.905	-6.711.014.548
11	Quỹ dự phòng tài chính	3.296.912.564	121.904.914	-3.175.007.650
12	Lợi nhuận chưa phân phối	7.101.653.934	-732.528.753	-7.834.182.687
13	Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.952.828.926	7.282.852.259	-669.976.667
14	Phải thu dài hạn khác	876.182.082	675.632.082	-200.550.000

Đối với chênh lệch tại khoản "Các khoản phải trả, phải nộp khác" và "Phải thu dài hạn khác", sự chênh lệch là do:

f. Các khoản phải trả, phải nộp khác: Do điều chỉnh căn cứ trên biên bản quyết toán bàn giao tài chính ngày 29/11/2009 từ Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 (Doanh nghiệp Nhà nước) sang Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP tại thời điểm 31/12/2008

g. Phải thu dài hạn khác: Cuối năm 2008, khoản phải thu Công ty cổ phần Xây dựng 43 (Công ty con) của Tổng Công ty – Tiền hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp, trình bày trên khoản phải thu dài hạn khác, không bù trừ với khoản phải trả về Cổ phần hóa của Công ty con – Công ty cổ phần Xây dựng 43. Đầu năm 2009, thực hiện bù khoản phải thu nêu trên của Công ty mẹ với Công ty con với số tiền là 200.550.000 đồng

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam.

Trích khấu hao Tài sản cố định:

Công ty áp dụng trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, xác định trên cơ sở thời gian hữu dụng ước tính của tài sản và phù hợp với

hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

11.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009 Tổng Công ty đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ.

11.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Tổng Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản Thuế, các khoản phải nộp cho Nhà nước. Thuế suất áp dụng cho Tổng Công ty là 25%. Các khoản thuế sẽ thay đổi tùy theo các quy định về thuế của Chính phủ trong thời gian tới.

11.4 Trích lập các quỹ theo luật định:

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập, sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Tổng Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty và quy định của Pháp luật hiện hành.

11.5 Dư nợ vay

Tình hình vay và nợ của Tổng Công ty năm 2008, 2009, 2010 như sau:

Bảng 10: *Tình hình vay và nợ của Tổng Công ty các năm 2008, 2009, 2010*

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2008	2008 (%)	2009	2009 (%)	2010	2010 (%)
Vay và nợ ngắn hạn	143.033	53,27 %	278.019	73,10%	351.497	79,9%
Vay và nợ dài hạn	125.473	46,73%	102.297	26,90%	88.031	20,1%
Tổng vay và nợ ngắn hạn & dài hạn	**268.506**	**100%**	**380.316**	**100%**	**439.528**	**100%**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009, báo cáo 2010 của Tổng Công ty

11.5.1 Vay và nợ dài hạn

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty như sau:

Bảng 11: *Các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty*

ĐVT: Triệu đồng

Ngân hàng/Hợp đồng	Số tiền tại 31/12/2010
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Tp. Hồ Chí Minh	6.533,5
Ngân hàng TMCP An Bình	23.141,2
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	9.975
Ngân hàng Bắc Sơn	566,8
Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	5.687,2
Ngân hàng đầu tư và phát triển Tp. Hồ Chí Minh	3.710,4
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Tp. Hồ Chí Minh – DA NIB	37.243,9
Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng đầu tư và phát triển	1.173,8

Nguồn: Tổng Công ty

11.5.2 Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn của Tổng Công ty như sau:

Bảng 12: *Các khoản vay và nợ ngắn hạn của Tổng Công ty*

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	2009	2010
Vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Tp. Hồ Chí Minh	154.300	152.845

Vay Ngân hàng Thương mại CP An Bình	84.662	70.646
Vay Ngân hàng thương mại CP Tiên Phong	-	52.624

Nguồn: Tổng Công ty

Nợ phải trả ở mức cao là do đặc thù của ngành xây dựng cơ bản, trong đó khi thực hiện các dự án xây dựng, Tổng Công ty ghi nhận tiền tạm ứng của chủ đầu tư vào khoản mục người mua trả trước, chiếm một tỷ trọng khá lớn trong khoản mục nợ phải trả của Tổng Công ty dẫn đến nợ phải trả ngắn hạn tăng cao. Ngoài ra Tổng Công ty đầu tư vào thiết bị, vật tư xây dựng theo phương thức trả chậm, do đó làm tăng các khoản phải trả. Tuy nhiên đây là biện pháp giúp Tổng Công ty cân đối thời gian thanh toán giữa các khoản phải thu (chủ yếu là từ chủ đầu tư công trình) và các khoản phải trả, giúp Tổng Công ty chủ động hơn trong việc sử dụng nguồn vốn lưu động.

11.7 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14: *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng Công ty năm 2008, 2009, 2010*

Chỉ tiêu	2008	2009	2010
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,01	1,02	1,0
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,70	0,83	0,75
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	92,9%	85,9%	84,6%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	13,61	6,11	5,49
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	4,71	7,15	6,25
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,82	0,93	1,06
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	1,95%	2,64%	2,62%

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	23,44%	17,36%	18,11%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,60%	2,44%	2,79%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo 2010 của Tổng công ty

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

12.1 Hội đồng Quản trị

1. Ông Lê Quang Thế- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Họ và tên: Lê Quang Thế
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/05/1954
- Nơi sinh: Triệu Sơn, Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 020230437; ngày cấp 25/06/1999; nơi cấp Tp. HCM
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: C1 cư xá 307, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3899 3850
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kỹ thuật
- Quá trình công tác:
  + 01/1977-1984 : Kỹ sư, cán bộ kỹ thuật Công ty Xây dựng Thủy lợi 9 – Bộ Thủy lợi; Đội trưởng, trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật – Xí nghiệp Xây dựng thủy lợi 1 thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi khu vực IV – Bộ Thủy lợi.

+ 1984-12/1987: Phó Giám đốc – Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi 1 – Liên hiệp Thủy lợi 4 – Bộ Thủy lợi.
+ 12/1987-09/1995: Giám đốc – Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi 1 – Liên hiệp Thủy lợi 4 – Bộ Thủy lợi.
+ 10/1995-01/1999: Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – Bô Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
+ 02/1999-11/2008: Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc; Phó bí thư Đảng bộ – Tổng Công ty Xây dựng thủy lợi 4.
+ 12/2008 → Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP
+ 11/2010 → 1/2011: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 4.916.386 cổ phần
  + Cá nhân: 5.140 cổ phần
  + Đại diện (vốn Nhà nước): 4.911.246 cổ phần
- Những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không

3. Ông Phạm Hồng Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Phạm Hồng Sơn
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/08/1954
- Nơi sinh: Nam Ninh, Nam Định

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 022866848; ngày cấp 30/07/1996; nơi cấp Tp. HCM
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 201/99 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3899 3850
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
- Quá trình công tác:
  + 05/1979 – 03/1988: Đội phó, đội trưởng, phó phòng, trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi 1 – Liên hiệp các Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi IV
  + 04/1988 – 04/1991: Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi 6 – Liên hiệp các Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi IV
  + 05/1991 – 08/1993: Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi 4 – Liên hiệp các Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi IV
  + 09/1993 – 09/1995: Giám đốc Công trường Bê tong Xây lắp, Giám đốc Công ty Xây dựng 43 – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4
  + 10/1995 → Nay: Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP
  + Tháng 11/2010 → Nay: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 4.790 cổ phần
  + Cá nhân: 4.790 cổ phần
  + Đại diện: không
- Những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: không

3. Ông Hà Thế Quang- Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Hà Thế Quang
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/06/1953
- Nơi sinh: Tiên Sơn, Hà Bắc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 021043857; ngày cấp 11/05/1998; nơi cấp Tp.HCM
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 201/109 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3899 3850
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
- Quá trình công tác:
  + 1978 – 10/1978: Cán bộ quốc phòng – Binh đoàn 14 – Tổng cục Xây dựng Kỹ thuật – Bộ Quốc Phòng
  + 11/1978 – 11/1982: Đội phó Đội cơ giới 23 – Liên hiệp các xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi khu vực IV

+ 12/1982 – 11/1985: Phó giám đốc – Xí nghiệp đá Bà Đen – Liên hiệp thủy lợi 4.
+ 05/1987 – 03/1997: Phó Giám đốc, Giám đốc – Công ty xây dựng 46 – Tổng công ty Xây dựng 4
+ 04/1997 – 03/2007: Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4
+ 04/2007 → Nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP
+ 1/2011 → Nay: Tổng giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP

- Chức vụ đang công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 3.015.038 cổ phần
  + Cá nhân: 4.920 cổ phần
  + Đại diện: 3.010.118 cổ phần
- Những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: không

4. Ông Nguyễn Văn Thạc – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thạc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/07/1966
- Nơi sinh: TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 024234633; ngày cấp 20/05/2004; nơi cấp Tp. HCM

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 389/5/9 Quốc lộ 13, Quận Thủ Đức TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3899 3850
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
- Quá trình công tác:
  + 10/1990 – 03/1997: Cán bộ Kỹ thuật – Công ty xây dựng 46 – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4
  + 04/1997 – 04/2001: Cán bộ Kỹ thuật – Chủ nhiệm đập chính Công trình Thủy điện Đa Mi – Tổng Công ty xây dựng Thủy lợi 4
  + 05/2001 – 10/2003: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh – Công ty Xây dựng 49 – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4
  + 11/2003 – 01/2006: Phó Giám đốc Ban điều hành Công trình Thủy điện Quảng Trị - Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4
  + 01/2006 – 11/2008: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4
  + 12/2008 → Nay: Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP, thành viên HĐQT
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 3.230 cổ phần
  + Cá nhân: 3.230 cổ phần
  + Đại diện: không

- Những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: không

5. Ông Phạm Văn Hiền - Thành viên HĐQT, đại diện phần vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

- Họ và tên: Phạm Văn Hiền
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/04/1953
- Nơi sinh: Châu Thành, Tiền Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 023138685; ngày cấp 26/04/1993; nơi cấp Tp. HCM
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 10 Đặng Tất, Phường Tân Định, quận 1 Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3932 6221
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
  + 09/1977 – 04/1980: Cán bộ Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang
  + 05/1980 – 01/1981: Phó phòng Thống kê tổng hợp – Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang
  + 02/1981 – 03/1983: Trưởng phòng Tổng hợp – Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang
  + 04/1983 – 07/1992: Cán bộ Tổng cục Cao su Việt Nam – Tổng Công ty Cao su Việt Nam

+ 07/1992 – 10/1995: Phó phòng Kế hoạch Vật tư – Tổng Công ty Cao su Việt Nam

+ 10/1995 – 8/2007: Trưởng ban kế hoạch Đầu tư – Tổng Công ty Cao su Việt Nam

+ 8/2007 → nay: Phó Tổng Giám đốc – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP

- Chức vụ công tác hiện nay: thành viên Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 2.015.000 cổ phần
  + Cá nhân: không
  + Đại diện: 2.015.000 cổ phần
- Những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: không

12.2 Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Lê Quang Thế: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc (xem phần lý lịch HĐQT)

2. Ông Đinh Văn Xô - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Đinh Văn Xô
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/05/1954
- Nơi sinh: Ý Yên, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam

- Số CMND: 020230145; ngày cấp 05/01/1993; nơi cấp Tp. HCM
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 201/94 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3899 3850
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư động lực
- Quá trình công tác:
  + 05/1978 – 11/1979: Trưởng phòng quản lý xe máy – Công ty Xây dựng Thủy lợi 9 – Bộ Thủy lợi
  + 12/1979 – 11/1995: Phó phòng, trưởng phòng Quản lý xe máy Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4
  + 12/1995 – 09/2003: Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4
  + 10/2003 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 4.920 cổ phần
  + Cá nhân: 4.920 cổ phần
  + Đại diện: không
- Những người có liên quan: Vợ: 3.510 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: không

3. Ông Phạm Hồng Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

(xem phần lý lịch HĐQT)

4. Ông Nguyễn Văn Thạc – Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng Giám đốc

(xem phần lý lịch HĐQT)

5. Ông Trịnh Hữu Long – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Trịnh Hữu Long
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/04/1954
- Nơi sinh: Đan Phượng, Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 023149204; ngày cấp 19/11/1993; nơi cấp Tp. HCM
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 37/24C1 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3899 3850
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
- Quá trình công tác:
  + 01/1977 – 10/1991: Công ty Xây dựng Thủy lợi 10, chức vụ cao nhất: Trưởng phòng
  + 11/1991 – 08/1998: Công ty Xây dựng 44 – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4, chức vụ cao nhất: Trưởng ban chỉ huy công trường
  + 09/1998 – 12/1999: Công ty Xây dựng 49 - Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4, chức vụ cao nhất: Phó Giám đốc

+ 01/2000 – 11/2003: Công ty Xây dựng 44 – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4, chức vụ cao nhất: Phó Giám đốc, Bí thư Đảng ủy

+ 12/2003 – 06/2009: Phó ban, Trưởng ban chỉ huy công trường, Phó Giám đốc, Giám đốc chi nhánh miền Bắc – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4

+ 07/2009 → Nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh miền Bắc – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh miền Bắc – Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 5.050 cổ phần
  + Cá nhân: 5.050 cổ phần
  + Đại diện: không
- Những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: không

12.3 Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Văn Chính - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Văn Chính
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/03/1952
- Nơi sinh: Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 022947169; ngày cấp 31/03/1992; nơi cấp Tp. HCM

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: C5 Cư Xá 307 Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3899 3850
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán, đại học Luật
- Quá trình công tác:
  + 1982 - 1996: Kế toán trưởng Công ty xây dựng 41.
  + 1997 → Nay: Công tác tại Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP.
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 4.810 cổ phần
  + Cá nhân: 4.810 cổ phần
  + Đại diện: không
- Những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: không

2. Ông Đào Anh Tuấn- Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Đào Anh Tuấn
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 24/03/1981
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam

- Số CMND: 023611492; ngày cấp 27/08/1997; nơi cấp Tp. HCM
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 3F Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3899 3850
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  + 2003 → Nay: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên BKS Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 520 cổ phần
  + Cá nhân: 520 cổ phần
  + Đại diện: không
- Những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: không

3. Ông Lê Tiến Luận – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Lê Tiến Luận
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/03/1974
- Nơi sinh: Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam

- Số CMND: 023822516; ngày cấp 08/08/2006; nơi cấp Tp.HCM
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 3A Trần Khánh Dư, Phường Tân Định, Quận 1 Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3932 5235
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Kế toán kiểm toán)
- Quá trình công tác:
  + 1997 → nay: Công tác tại Ban Tài chính kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên BKS Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Công tác tại Ban Tài chính kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phần
  + Cá nhân: không
  + Đại diện: không
- Những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: không

Ông Đinh Văn Vân – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Đinh Văn Vân
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/02/1964
- Nơi sinh: Phù Cát, Bình Định

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 023001048; ngày cấp 10/03/1992; nơi cấp Tp.HCM
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 215/83 Nguyễn Xí, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 3899 3850
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  + 12/1987 – 10/1998: Cán bộ chuyên quản phòng tín dụng cấp phát ngân hàng đầu tư tỉnh Kiên Giang
  + 11/1988 – 11/1995: Kế toán viên, phó phòng Tài vụ - Xí nghiệp xây dựng thủy lợi 6 – Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng thủy lợi IV
  + 12/1995 – 07/2006: Kế toán trưởng công trường, phó phòng Tài vụ Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4
  + 08/2006 → Nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 7.080 cổ phần
  + Cá nhân: 7.080 cổ phần
  + Đại diện: không
- Những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

- Lợi ích liên quan đến tổ chức phát hành: không

13. TÀI SẢN

Bảng 15: *Tài sản của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2010*

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	32.235	15.457
Máy móc thiết bị	233.486	73.702
Phương tiện vận tải	157.349	68.457
Thiết bị, dụng cụ quản lý	7.561	3.435
Tài sản cố định hữu hình khác	342	121
TSCĐ thuê tài chính	23.788	272
Tài sản vô hình	266.888	266.888

Nguồn: Tổng Công ty

14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM 2011 – 2014

Bảng 16: *Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Tổng Công ty năm 2011-2014* ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014
Vốn điều lệ	200.000	250.000	280.000	305.000
Doanh thu thuần (DTT)	1.340.814	1.474.468	1.621.454	2.048.829
Lợi nhuận trước thuế	52.438	56.130	62.961	66.780
Nộp ngân sách Nhà nước	13.109	14.033	15.740	16.695
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	**39.328**	**42.098**	**47.220**	**50.085**
LNST/ DTT (%)	2,9%	2,9%	2,9%	2,4%
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn Điều lệ (%)	19,7%	16,8%	16,9%	16,4%
Cổ tức dự kiến (%)	**15%**	**17%**	**18%**	**19%**

Nguồn: Tổng Công ty

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Sự phát triển đô thị nhanh chóng của các thành phố lớn trên cả nước đã làm gia tăng áp lực lên các công trình thủy lợi, dẫn đến tình trạng ngập úng ngày càng thường xuyên khi có triều cường hay thời tiết bất thường. Điều này đòi hỏi các địa phương phải chú trọng việc đầu tư cải tạo, xây dựng mới các hệ thống thủy lợi mới nhằm khắc phục tình trạng ngập úng này. Đây là một lĩnh vực mà Tổng Công ty có chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm thi công xây dựng, là cơ hội cho Tổng Công ty tham gia đấu thầu, thi công, góp phần đạt kế hoạch giá trị sản lượng như kế hoạch đã đề ra.

Tổng Công ty đang thực hiện các hợp đồng xây dựng cơ bản như công trình Korongbuc Hạ, Đack Rồ, Đồng Nai 3, công trình Tả Trạch, Sông Bung 4 v.v... Ngoài ra Tổng Công ty còn có kế hoạch tham gia các công trình xây dựng cơ bản, công trình giao thông, xây dựng dân dụng nhằm đạt giá trị sản lượng như kế hoạch đã đề ra.

Tổng Công ty tiếp tục thực hiện việc quản lý có hiệu quả, giảm thiểu chi phí quản lý doanh nghiệp, nâng cao tính cạnh tranh, nhanh nhạy nắm bắt các cơ hội tạo giá trị cho Tổng Công ty và cổ đông. Giao quyền chủ động cho các Ban điều hành, các Giám đốc chi nhánh về hợp đồng thầu phụ, mua bán vật tư, thuê mướn nhân công trên cơ sở các đơn giá dự toán. Các Ban điều hành, Giám đốc chi nhánh chịu trách nhiệm cân đối giữa thu và chi, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Tổng Công ty đang hoạt động.

Chúng tôi cho rằng nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Tổng Công ty đã đề ra trong năm 2011 là có tính khả thi và Tổng Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch đề ra.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý

bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Không có

17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI TỔNG CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

Tổng Công ty không có tranh chấp kiện tụng

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. LOẠI CỔ PHIẾU

Cổ phiếu phổ thông

2. MỆNH GIÁ

Mệnh giá cổ phiếu: **10.000** đồng (mười nghìn đồng)

3. TỔNG SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN DỰ KIẾN CHÀO BÁN

Tổng số cổ phiếu chào bán: **3.860.367** (ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn ba trăm sáu mươi bảy) cổ phiếu (CP) cho cổ đông hiện hữu.

4. GIÁ CHÀO BÁN DỰ KIẾN

Phát hành cho CĐHH với giá là **10.000** đồng/CP. Giá phát hành này được xác định dựa trên nhu cầu tăng vốn để thực hiện dự án, cũng như phù hợp với lộ trình tăng vốn của Tổng Công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông hiện hữu, đảm bảo cho việc phát hành được thành công, giảm rủi ro phát hành không thành công trong điều kiện thị trường chứng khoán không thuận lợi.

5. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI

Phát hành cho cổ đông hiện hữu : Phân phối cho tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông tại ngày chốt Danh sách để xác định quyền mua cổ phần phát hành thêm. Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phần tương ứng với số cổ phần đang sở hữu tại ngày chốt quyền.

6. THỜI GIAN PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU

Tiến hành phân phối cho cổ đông hiện hữu trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Giấy phép chào bán ra công chúng do Chủ tịch UBCKNN cấp.

7. KẾ HOẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

- Mục đích phát hành : Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến **38.603.670.000** đồng. Số tiền thu được từ đợt phát hành được giải ngân dự kiến sau khi hoàn tất phát hành với mục đích nộp tiền sử dụng đất trong dự án nhà ở trên khu đất 72.813,2 m^2 tại phường Phước Long A, quận 9 đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho đầu tư theo công văn số 2995/UBND-ĐTMT ngày 25/06/2010.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: **3.860.367** cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ/cổ phần
- Giá phát hành : 10.000 VNĐ/cổ phần
- Đối tượng được phân phối cổ phiếu: tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông tại ngày chốt Danh sách để xác định quyền mua cổ phần phát hành thêm. Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phần tương ứng với số cổ phần đang sở hữu tại ngày chốt quyền.
- Phương thức: Cổ đông sở hữu **10** cổ phần sẽ được quyền mua **3,465** cổ phần phát hành thêm (tỷ lệ **10:3,465**) với giá **10.000** VNĐ/cổ phần.
- Xử lý cổ phần lẻ: đối với số cổ phần lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng phát hành, số lượng cổ phần mà cổ đông được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 159 cổ phiếu, theo tỷ lệ quyền mua cổ phiếu là 10:3,465 thì cổ đông A được quyền mua: 159/10x3,465 = 55,09 cổ phiếu phát hành thêm. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì cổ đông A sẽ được quyền mua 55 cổ phiếu phát hành thêm.
- Cổ phiếu hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Cổ đông được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
- Cổ đông ủy quyền cho HĐQT phân phối số lượng cổ phần còn lại không phân phối hết, số lượng cổ phiếu lẻ với phương thức chào bán ủy quyền cho HĐQT quyết định và giá phát hành không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.

8. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUYỀN

Lịch trình thực hiện phát hành cho Cổ đông hiện hữu:

Bảng 17: *Lịch trình phân phối cổ phiếu cho CĐHH*

STT	Công việc	Thời gian
1	Nhận Giấy phép pháp hành của UBCKNN	Ngày T
2	Công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng	T + 5
3	Chốt danh sách sở hữu cuối cùng	T + 15
4	Thông báo quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông	T + 16 - T +23
5	Chuyển nhượng quyền mua cổ phần	T + 24 – T + 42
6	Cổ đông đăng ký nộp tiền mua cổ phần	T + 24 - T + 44
7	Tổng hợp thực hiền quyền	T + 45 – T+50
8	Thực hiện bán và phân bổ số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua hết (nếu có)	T+ 50 - T + 80
9	Trao trả giấy chứng nhận cổ đông	T + 50 – T+90
10	Báo cáo phát hành cho UBCKNN	T + 80 - T + 90

(Ghi chú: lịch trình phân phối cổ phiếu này sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận Giấy chứng nhận đăng ký phát hành)

Bước 1: Chốt danh sách cổ đông

Tổng Công ty sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông và xác định Danh sách cổ đông có quyền mua thêm cổ phiếu mới.

Bước 2: Công bố thông tin

Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 3: Chốt danh sách sở hữu cuối cùng

Tổng Công ty sẽ thông báo ngày chốt danh sách cổ đông cuối cùng để hưởng quyền mua cổ phần phát hành thêm theo đúng quy định của pháp luật với lộ trình dự kiến nêu trên.

Bước 4: Chuyển nhượng quyền và thực hiện quyền

- Các cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới phát hành theo tỷ lệ được mua đã quy định. Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua theo mức giá quy định tại Tổng Công ty.
- Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần trong vòng 20 ngày kể từ ngày Tổng Công ty kết thúc việc phân bổ quyền và gửi thông báo cho các cổ đông theo lộ trình dự kiến nêu trên. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực và không nhận được sự đền bù nào của Tổng Công ty.
- Trong thời hạn 20 ngày để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 02 ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và được thực hiện tại Tổng Công ty.

Bước 5: Kết thúc thực hiện quyền

Kết thúc thời gian đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, Tổng Công ty lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua chứng khoán và Danh sách cổ đông thực hiện quyền mua chứng khoán phát hành thêm trong vòng 5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.

Bước 6: Phân phối chứng khoán

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc tổng kết thực hiện quyền, Tổng Công ty sẽ phân phối tiếp các cổ phiếu không chào bán hết (nếu có).

Bước 7: Phân phối chứng khoán

Vào ngày phát hành, cổ phiếu phát hành thêm sẽ được phân phối trực tiếp tại trụ sở của Tổng Công ty.

Bước 8: Tổng kết phát hành

Kết thúc việc phân phối cổ phiếu, Tổng Công ty sẽ gửi báo cáo phát hành cho UBCKNN.

9. GIỚI HẠN TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài và theo các quy định của Pháp luật.

10. CÁC LOẠI THUẾ LIÊN QUAN

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp. Thuế suất thu nhập doanh nghiệp hiện tại là 25%.

11. NGÂN HÀNG MỞ TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHIẾU

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

Số TK: 17901.000.000.2794

Tại : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Thủ Thiêm

Người thụ hưởng : Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 số 689/NQ/TCT-ĐHĐCĐ ngày 06/09/2010, đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn lần này được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm nộp tiền sử dụng đất trong dự án nhà ở trên khu đất 72.813,2 m^2 tại phường Phước Long A, quận 9 đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho đầu tư theo công văn số 2995/UBND-ĐTMT ngày 25/06/2010.

Thông tin tổng quan về dự án:

I. Địa điểm

Địa điểm thực hiện dự án là khu đất 7,2 ha tại phường Phước Long A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh đã được Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh chấp thuận chủ trương giao đất có thu tiền sử dụng đất theo giá thị trường cho Tổng Công ty theo công văn số 2995/UBND-ĐTMT ngày 25/06/2010.

II. Quy hoạch sử dụng đất

Khu vực được dự kiến quy hoạch theo mô hình một đơn vị hoàn chỉnh, vì vậy cơ cấu sử dụng đất với tính chất và chức năng bao gồm:

Phân loại	Chỉ tiêu (m2/người)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
Đất ở	6,22	33.776,4	46,38%
Đất công trình Công cộng	0,38	2.085,8	2,86%
Đất cây xanh tập trung	1,2	6.414,6	8,8%
Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật	2,2	11.996,4	16,5%
Đất giao thông liên khu vực		6.540	9%
Trường tiểu học		12.000	16,5%
Tổng cộng	15,00	72.813,2	100%

Nguồn: Tổng Công ty

III. Chi phí đầu tư

Hạng mục	Thành tiền (triệu VNĐ)
Chi phí đền bù và di dời	7.281,3
Chi phí nộp tiền sử dụng đất	***108.546,4***
Chi phí xây dựng hệ thống hạ tầng	25.071,7
Chi phí xây dựng Công trình	958.142,3

Tổng chi phí xây lắp	1.099.041,7
Chi phí quản lý dự án và chi phí khác	56.920,6
Chi phí dự phòng	22.768,3
Tổng mức đầu tư	**1.178.730,6**

Nguồn: Tổng Công ty

Dự án được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp và vốn vay của doanh nghiệp.

IV. Tiến độ thực hiện

Hiện nay Tổng Công ty đã được Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh chấp thuận chủ trương giao đất thu tiền sử dụng đất theo giá thị trường theo công văn số 2995/UBND-ĐTMT ngày 25/06/2010. Tổng Công ty đang tiến hành lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo hợp đồng kinh tế số 05/2010/HĐKT ngày 04/08/2010 và dự kiến hoàn thành trong tháng 12 năm 2010 để trình Ủy ban Nhân dân Quận 9, Sở Quy hoạch kiến trúc Tp. Hồ Chí Minh và các cấp có thẩm quyền liên quan để phê duyệt.

Số tiền thu được từ đợt phát hành này sẽ được giải ngân sau khi hoàn tất đợt phát hành để bổ sung nguồn vốn nộp tiền sử dụng đất theo giá thị trường, nhằm triển khai dự án theo đúng yêu cầu của các cấp có thẩm quyền, cũng như đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiến dự kiến thu được từ đợt phát hành là **38.603.670.000** đồng (ba mươi tám tỷ sáu trăm lẻ ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó vốn đăng ký chào bán là **38.603.670.000** đồng (ba mươi tám tỷ sáu trăm lẻ ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kế hoạch sử dụng tiền thu được:

Nộp tiền sử dụng đất trong dự án nhà ở trên khu đất 72.813,2 m^2 tại phường Phước Long A, quận 9 đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho đầu tư theo công văn số 2995/UBND-ĐTMT ngày 25/06/2010.

Trường hợp không thu được tổng số tiền dự kiến từ đợt phát hành, Tổng Công ty sẽ tìm nguồn tài trợ khác để thực hiện dự án trên như vay vốn từ các ngân hàng hoặc điều chỉnh lại kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 TP.HCM

Điện thoại: (84.4) 3914 3588 Fax: (84.4) 3914 3209

Tổ chức kiểm toán 2008, 2009:

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại : (04) 3974 5080 Fax: (04) 3974 5083

Website : www.cpahanoi.com

IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty và các Công ty con

2. Phụ lục 2: Điều lệ Công ty

3. Phụ lục 3: Nghị quyết số 689/NQ/TCT-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 09 năm 2010 của ĐHĐCĐ.

Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ xin giấy phép phát hành.

4. Phụ lục 4 : Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009, báo cáo tài chính năm 2010.

5. Phụ lục 5 : Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT, BGĐ và BKS, Kế toán trưởng

6. Phụ lục 6 : Các tài liệu về dự án khu đất phường Phước Long A, quận 9, Tp. Hồ Chi Minh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP

Chủ tịch HĐQT	**Tổng giám đốc**
LÊ QUANG THẾ	**HÀ THẾ QUANG**
Trưởng Ban Kiểm soát	**Kế toán trưởng**
NGUYỄN VĂN CHÍNH	**ĐINH VĂN VÂN**